

Số: 105/QĐ-MNCT

Cô Tô, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố niêm yết công khai thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng trường Mầm non Cô Tô, năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

Căn cứ luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công khai các hoạt động các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố niêm yết công khai thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng trường Mầm non Cô Tô, năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Cô Tô tại bảng công khai và trang Website nhà trường.

(Chi tiết theo văn bản đính kèm)

Điều 2. Thời gian niêm yết công khai trên bản tin 90 ngày kể từ ngày 18/9/2025 đến 18/11/2025, Thời gian công khai trên Website theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán, ban giám hiệu căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(b/c);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng trường Mầm non Cô Tô, năm học 2025 - 2026

Hôm nay, hồi 15h30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2025

Tại: Trường Mầm non Cô Tô

Đơn vị Trường Mầm non Cô Tô đã tiến hành tổ chức niêm yết công khai thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng trường Mầm non Cô Tô, năm học 2025 - 2026 bằng hình thức Niêm yết tại trụ sở làm việc (Bảng công khai) và trên Website.

***Thành phần lập biên bản, gồm:**

1. Bà Nguyễn Thị Hương - Bí thư chi bộ, hiệu trưởng, tổ trưởng tổ công khai.
2. Bà Nguyễn Thị Mai - Phó hiệu trưởng, tổ phó tổ công khai.
3. Ông Vũ Văn Lợi - Tổ trưởng Văn phòng - thư ký
4. Bà Phạm Thanh Thùy - Phó hiệu trưởng, thành viên
5. Bà: Trần Thị Hằng - Tổ trưởng tổ chuyên môn nhà trẻ - Mẫu giáo 3 - 4 tuổi, thành viên
6. Bà: Nguyễn Thị Thủy - Tổ trưởng tổ chuyên môn mẫu giáo 4 - 5 tuổi; 5 - 6 tuổi, thành viên
7. Bà Nguyễn Thị Vi – Trưởng ban thanh tra nhân dân, thành viên;
8. Bà Lương Thị Trang – Bí thư đoàn TN, thành viên

*** Nội dung:** Niêm yết Công khai

Thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng trường Mầm non Cô Tô, năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Cô Tô

*** Thời gian niêm yết:** trên bảng công khai 90 ngày liên tục. Bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2025 đến hết ngày 18/11/2025

Thời gian công khai trên Website theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Tổng số tờ được niêm yết công khai là : 50 tờ (100 trang)

Trong thời gian niêm yết nếu có phản ánh gửi về Lãnh đạo trường Mầm non Cô Tô để xem xét giải quyết theo đúng quy định. sau khi kết thúc sẽ lập biên bản niêm yết kết thúc công khai các văn bản này được lưu hồ sơ của cơ quan đơn vị.

Biên bản lập xong vào hồi 16h00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Vũ Văn Lợi

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Hương

UBND HUYỆN CÔ TÔ
TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

UBND HUYỆN CÔ TÔ
TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Học và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hương	Bí thư CB, HT	Chủ tịch hội đồng	
2	Phạm Thanh Thùy	Phó bí thư CB, PHT, CTCD	P. Chủ tịch hội đồng	
3	Vũ Văn Lợi	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thư ký	
4	Lương Thị Trang	Giáo viên – Bí thư ĐTN	Ủy viên	
5	Nguyễn Thị Hà	Giáo viên	Ủy viên	
6	Nguyễn Thị Len	TTCM tổ 1,2,3 tuổi	Ủy viên	
7	Bùi Thanh Hương	TTCM tổ 4,5 tuổi	Ủy viên	
8	Đậu Thị Múa	Giáo viên – Phó CTCD	Ủy viên	
9	Nguyễn Thị Vì	Giáo viên	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh sách và chữ ký thành viên hội đồng tự đánh giá	1
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	22
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	24
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	29
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	34
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	36
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	40
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	42
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	44
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	51
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng- Phó hiệu trưởng	52
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	55
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	59
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	61
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích	62
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình	64
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố	69

và thiết bị dạy học	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	72
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	73
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	76
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	78
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	79
Mở đầu	79
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	79
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	83
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	85
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	88
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	91
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	92
Tiêu chí 1	92
Tiêu chí 2	93
Tiêu chí 3	94
Tiêu chí 4	95
Tiêu chí 5	96
Tiêu chí 6	96
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	98

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Nội dung
1	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2	CNTT	Công nghệ thông tin
3	CSVC	Cơ sở vật chất
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CMHS	Cha mẹ trẻ
6	GDĐT	Giáo dục đào tạo
7	GDMN	Giáo dục mầm non
8	HĐND	Hội đồng nhân dân
9	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
10	UBND	Ủy ban nhân dân
11	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
12	ATTP	An toàn thực phẩm
13	BCH	Ban chấp hành

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: Không đạt Mức 4**2. Kết luận: Trường đạt Mức 2**

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Cô Tô

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Cô Tô.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Quảng Ninh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hương
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Cô Tô	Điện thoại trường	02033889506
Xã/phường/thị trấn	Cô Tô	Fax	
Đạt chuẩn Quốc gia	Mức độ I	Website	http://coto.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1997	Số điểm trường	01
Công lập	1	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0
Tư thục	0	Trường liên kết với nước ngoài	0
Dân lập	0	Loại hình khác (Ghi rõ Loại hình ...)	0

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (Số liệu tính đến ngày 22/5/2025)

	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Số nhóm trẻ từ 3-12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Số nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi	0	0	1	0	1
Số nhóm trẻ từ 25-36 tháng tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	3	3	2	3	2
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	3	3	3	2	3
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	2	2	2	3	2
Cộng	10	10	10	10	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường (Số liệu tính đến ngày 22/5/2025)

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I	Khối phòng nhóm trẻ , lớp mẫu giáo	10	10	10	10	10
1	Phòng học kiên cố	10	10	10	10	10
2	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng học tạm	0	0	0	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
II	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	1	1	1
	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Khối phòng hành chính quản trị	9	9	9	9	9
	Phòng kiên cố	9	9	9	9	9
	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
	Phòng tạm	0	0	0	0	0
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1
	Bếp ăn	1	1	1	1	1
	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
	Phòng tạm	0	0	0	0	0
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0
	Cộng	21	21	21	21	21

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (Số liệu tính đến ngày 22/5/2025)

a. Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	2	0	
Giáo viên	23	23	0	1	22	0	
Nhân viên	6	4	0	1	1	4	01 cnhân viên hợp đồng bảo vệ; 03 nhân viên hợp đồng thỏa thuận
Cộng	32	30	0	2	26	4	

b. Số liệu của 5 năm gần đây (Số liệu tính đến ngày 22/5/2025)

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	20	21	22	22	23
2	Tỉ lệ trẻ/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	56/5=8,9	52/5=10,4	72/7=10,7	50/5=10	52/7=7,4
3	Tỉ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp MG không có trẻ học bán trú)	0	0	0	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
4	Tỉ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	203/15 =13,5	214/16 =13,3	202/15= 13,4	216/17= 12,7	194/16= 12,1
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	9	0	9	0	7
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương	1	0	0	2	0

4. Trẻ em (Số liệu tính đến ngày 22/5/2025)

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số trẻ em	259	266	274	266	246
	Nữ	112	120	122	125	111
	Dân tộc thiểu số	11	13	12	17	15
2	Đối tượng chính sách	0	0	0	0	0
3	Khuyết tật	0	2	2	2	2
4	Tuyển mới	56	72	79	55	58
5	Học 2 buổi/ngày	259	266	274	266	246
6	Bán trú	259	266	274	266	246

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
7	Tỷ lệ trẻ/lớp mẫu giáo	25,37	26,75	28,85	27	27,7
	Trẻ từ 3-4 tuổi	67	77	63	72	52
	Trẻ từ 4-5 tuổi	71	66	76	66	75
	Trẻ từ 5-6 tuổi	65	71	63	78	67
8	Tỷ lệ trẻ/lớp nhóm trẻ	28	26	24	25	17,33
	Trẻ từ 03- 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
	Trẻ từ 13- 24 tháng tuổi	0	0	10	0	12
	Trẻ từ 25- 36 tháng tuổi	56	52	62	50	40

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Địa điểm trụ sở: Khu 3, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh;
Website: <http://coto.edu.vn>.

Trường Mầm non Cô Tô được thành lập năm 1997. Trường được xây dựng ở vị trí trung tâm của thị trấn Cô Tô thuận tiện cho học sinh trên địa bàn đến trường, trường có tổng diện tích hơn 2.630m², được xây dựng trên khu đất bằng phẳng rộng, tổng số đồ chơi ngoài trời hiện có trên 10 thiết bị đồ chơi ngoài trời đủ điều kiện cho trẻ vui chơi giải trí trong các giờ hoạt động ngoài trời và ngoài giờ học, diện tích còn lại đáp ứng đủ cho việc xây dựng cơ sở vật chất trường học. Trường được thiết kế khoa học, đảm bảo mỹ quan, đầy đủ các hạng mục công trình phục vụ cho việc dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục bao gồm 2 dãy nhà với 10 phòng học, 1 phòng chức năng, 02 phòng kho; một khu để xe cho cán bộ giáo viên với diện tích 37m² và khu nhà vệ sinh dành cho học sinh, cho cán bộ giáo viên có khu vệ sinh riêng biệt và khép kín được bố trí khoa học sạch sẽ, gọn gàng. Ngoài ra nhà trường còn có khu đất riêng để trồng rau xanh, vườn của bé...trang thiết bị dạy học khá đầy đủ: máy chiếu, thiết bị đồ chơi ngoài trời, tuy nhiên nhà trường vẫn gặp phải một số khó khăn về cơ sở vật chất: hệ thống máy tính và một số trang thiết bị đồ dùng dạy học chưa đồng bộ do đó chưa đáp ứng đầy đủ cho việc dạy và học.

Trường Mầm non Cô Tô, thị trấn Cô Tô được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2012, nhà trường được đánh giá công nhận kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận lại trường học đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 12 năm 2020. Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn ổn định. Trong 4 năm gần đây, kết quả chăm sóc, giáo dục của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực. Năm học 2024 - 2025 trường có 10 lớp với 246 học sinh. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên và người lao động là 31 người; 100% CBQL, GV, NV biên chế có trình độ đạt chuẩn trở lên, trong đó có 26 đồng chí có trình độ đại học, 01 đồng chí có trình độ cao đẳng, 01 đồng chí nhân viên có trình độ trung cấp. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn khá đồng đều, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường có tổ chức Chi bộ đảng gồm 24 đảng viên, liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh, giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo toàn bộ các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức: công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ ... đều hoạt động tích cực góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Với những thành tích đã đạt được nhà trường đã được UBND huyện tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến; UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc trong năm 2021 - 2022; 2022 - 2023; 2023 - 2024, năm học 2021 - 2022 trường được UBND tỉnh tặng cờ dẫn đầu khối Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở trong toàn huyện; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen năm 2022 -

2023; Năm 2020 - 2021; 2023 - 2024 nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen. Công đoàn đạt vững mạnh xuất sắc được Liên đoàn Lao động huyện tặng giấy khen.

Mặc dù nhà trường đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, nhưng với xu thế phát triển của thời đại, nhà trường còn phải thật sự cố gắng nỗ lực hơn nữa. Nhận thức công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giúp cho người quản lý có cái nhìn toàn diện về nhà trường, tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Để xây dựng lộ trình công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2020 - 2025 và đề nghị đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng gồm cán bộ chủ chốt của trường, người đứng đầu các đoàn thể, các bộ phận chức năng, đại diện Chi đoàn thanh niên, Công đoàn, giáo viên có năng lực. Ban thư ký là các cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách. Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

Với quyết tâm thực hiện tốt mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, từng bước phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục. Đến tháng 04/2025, trường đã hoàn thiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Mục đích tự đánh giá

2.1. Trường Mầm non Cô Tô thực hiện tự đánh giá nhằm giúp nhà trường đánh giá đúng thực trạng chất lượng, những điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến, điều chỉnh các nguồn lực, quá trình thực hiện góp phần nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

2.2. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý, cải tiến chất lượng của nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng giáo dục của nhà trường.

2.3. Tự đánh giá là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ cơ sở giáo dục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.4. Tự đánh giá là một quá trình liên tục được thực hiện theo kế hoạch, thể hiện sự chỉ đạo đồng bộ, thống nhất, quyết tâm từ Chi bộ, nhà trường, các tổ chức đoàn thể, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai; các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá phải dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng...

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và phấn đấu tiếp tục công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2020 - 2025 vào năm học 2024 - 2025.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá của trường Mầm non Cô Tô

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy trình tự đánh giá theo Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT, cụ thể:

** Về quy trình tự đánh giá*

- (1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- (2) Lập kế hoạch tự đánh giá.
- (3) Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- (4) Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
- (5) Viết báo cáo tự đánh giá.
- (6) Công bố báo cáo tự đánh giá.
- (7) Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

** Về phương pháp tự đánh giá*

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu các Thông tư, Quyết định, Văn bản của Bộ GDĐT, Sở GDĐT về GDMN và công tác kiểm định tiêu chuẩn chất lượng trường mầm non.

- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: Giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, phỏng vấn.
- Phương pháp thảo luận: Trao đổi, thống nhất những nội dung tự đánh giá.
- Phương pháp thống kê toán học: Thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá.
- Phương pháp phân tích: Tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng; xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin, minh chứng.
- Phương pháp tự luận: Viết báo cáo tự đánh giá.

** Về công cụ đánh giá*

- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GDĐT, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non;

- Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/10/2021 của Bộ GDĐT quy định ngưng hiệu lực quy định về trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số thông tư do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành; Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Thông tư số 56/2021/TT-BTC, ngày 12/7/2021 của Bộ tài chính về hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT, ngày 16/12/2024 của Bộ GDĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/9/2019; Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Sau khi tự đánh giá thấy được những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật của nhà trường trong việc đáp ứng những yêu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn, từ đó nhà trường có kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong nhà trường. Đồng thời cũng qua kết quả tự đánh giá từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn, qua đó tiến hành điều chỉnh các hoạt động cũng như công tác quản lý phù hợp với thực tế, với yêu cầu của ngành và xã hội, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục. Qua việc tự đánh giá, nhà trường muốn nhìn nhận một cách khách quan về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Việc tự đánh giá cũng là sự thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã góp phần giúp cho nhà trường nhiều thuận lợi trên bước đường xây dựng và trưởng thành phát triển.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Cô Tô là trường mầm non công lập nằm trên địa bàn thị trấn Cô Tô thuộc Phòng GDĐT huyện Cô Tô nay là huyện Cô Tô quản lý, có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non; các tổ chức, đoàn thể, hội đồng trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, phát huy được vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các nhiệm vụ của nhà trường. Chi bộ nhà trường lãnh đạo chỉ đạo các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; quan tâm xây dựng phương hướng chiến lược, xác định tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường

trong từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Nhà trường bố trí, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường lớp phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh đưa trẻ đến trường; bố trí trẻ/nhóm lớp đảm bảo đủ số lượng. Nhà trường chỉ đạo và phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho tập thể, cá nhân quản lý và chịu trách nhiệm đối với từng nhiệm vụ; công tác quản lý tài sản, tài chính, đội ngũ được thực hiện nghiêm túc; nhà trường thiết lập hệ thống hồ sơ, sổ sách theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ hồ sơ, văn bản quản lý của nhà trường.

Nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ GDĐT ban hành trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quan tâm chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, độ tuổi, nhóm, lớp.

Nhà trường chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; bảo đảm thực hiện Quy chế dân chủ, công khai trong hoạt động của nhà trường. Tất cả chế độ thông tin báo cáo của nhà trường luôn đảm bảo mối liên hệ công việc giữa nhà trường với các cấp, các ngành nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra. Thực hiện quản lý các hoạt động của nhà trường ngày càng ổn định và đi vào nề nếp. Nhà trường luôn chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho CBQL, GV, NV; tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi, các hoạt động trải nghiệm phù hợp với điều kiện địa phương góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ Luật giáo dục, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và nguồn lực của nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch 76/KH-MNCT ngày 01/09/2020 về Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường Mầm non Cô Tô giai đoạn 2020 - 2025 đã xác định mục tiêu, chỉ tiêu; đánh giá thực trạng; đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp phù hợp để giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp Một. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới Giáo dục mầm non; đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội trong giai đoạn hiện nay; nhà trường đã xác định được sứ mạng, thời cơ, thách thức đặc biệt là yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, nên trong quá trình thực hiện mục tiêu của phương hướng đã có sự điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu giáo dục trên địa bàn thị trấn, cụ thể như sau: xây dựng mạng lưới trường, nhóm, lớp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo hướng đạt chuẩn chất lượng nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách. củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào lớp Một; thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đảm bảo chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình GDMN. Phát triển GDMN cho trẻ dưới 5 tuổi, nâng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 76/KH-MNCT ngày 01/09/2020 về Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường Mầm non Cô Tô giai đoạn 2020 - 2025 đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cô Tô phê duyệt theo Quyết định số 653/QĐ-PGDĐT ngày 30/10/2020 [H1-1.1-01]. Nhà trường đã tham mưu với Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Cô Tô đưa các chỉ tiêu về phát triển giáo dục nhà trường vào Nghị quyết của BCH Đảng bộ huyện về phương hướng nhiệm vụ hàng năm và Nghị quyết của BCH Đảng bộ thị trấn Cô Tô về phương hướng nhiệm vụ hàng năm. Nghị quyết của HĐND huyện và HĐND thị trấn Cô Tô về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai trong đội ngũ thông qua các buổi họp đầu năm học, niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: <http://coto.edu.vn> [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hội đồng trường giám sát nhà trường trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện phương hướng chiến lược theo năm học và giai đoạn bằng hình thức nghiên cứu hồ sơ và giám sát trực tiếp với các nội dung cụ thể như sau: Năm học 2020 - 2021: Hội đồng trường tổ chức giám sát việc quản lý, sử dụng các trang thiết bị dạy học; Năm học 2021 - 2022: Hội đồng trường giám sát thực hiện Quy chế dân chủ; Thực hiện chi trả chế độ chính sách cho đội ngũ; Năm học 2022 - 2023: Giám sát việc tổ chức hoạt động bán trú cho trẻ; Năm học 2023 - 2024: Giám sát việc quản lý, sử dụng các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục. Năm học 2024 - 2025 giám sát việc tổ chức hoạt động bán trú cho trẻ. Trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện phương hướng chiến lược phát triển được Hội đồng trường thực hiện thường xuyên; Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Sau mỗi kỳ học, năm học nhà trường đã họp tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm và đưa các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, xây dựng và bổ sung thêm vào kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn từng năm học. Qua việc bàn luận đưa ra biện pháp, nhà trường chủ động tham mưu việc phát triển nhà trường phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, huy động mọi nguồn lực xã hội hóa nhằm nâng cao chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với thực tế của nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

Mức 3: Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng trường, CBQL, GV, NV về các nội dung của phương hướng chiến lược, rà soát các mục tiêu, các nhiệm vụ đã triển khai thực hiện trong năm học theo lộ trình đã đề ra tại phương hướng chiến lược của nhà trường. Trong quá trình rà soát, đánh giá nhà trường đã tiến hành điều chỉnh một số chỉ tiêu về việc tỷ lệ huy động trẻ; tỷ lệ về trình độ đào tạo của đội ngũ; các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; điều kiện cơ sở vật chất. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá cuối mỗi giai đoạn, nhà trường xây dựng dự thảo phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn, đồng thời bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cô Tô phê duyệt [H1-1.1-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ủy - HĐND - UBND huyện Cô Tô theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên, đến cha mẹ trẻ bằng hình thức công khai niêm yết tại hệ thống bảng biểu và trên trang thông tin điện tử của nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên được biết và tham gia góp ý.

Hội đồng giám sát thực hiện tốt việc giám sát hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Thực hiện tốt công tác rà soát, điều chỉnh phương hướng chiến lược với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Hội đồng trường, CBQL, GV, NV đảm bảo tính dân chủ và khách quan. Việc đánh giá định kỳ giúp kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu quan trọng. Nhà trường có định hướng chiến lược rõ ràng, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa nhận được các ý kiến đóng góp, tư vấn, bổ sung cho phương hướng chiến lược của nhà trường từ các tổ chức chính trị xã hội, các ngành trên địa bàn huyện; cha mẹ trẻ và cộng đồng nguyên nhân do văn bản dài, nhiều nội dung liên quan đến chuyên môn nên tiếp cận còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cải tiến hình thức xin ý kiến xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Chủ tịch Hội đồng trường	- Biên soạn, xây dựng mẫu phiếu tóm tắt các nội dung chính trong phương hướng chiến lược để xin ý kiến của cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cha mẹ trẻ trên địa bàn thị trấn (tập trung các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện) - Tiếp tục công khai, đăng tải phương hướng chiến lược trên cổng thông tin của ngành, của nhà trường. - Phát biểu xin ý kiến trong các cuộc họp giao ban tại UBND thị trấn; UBND huyện về các mục tiêu, giải pháp trọng tâm thực hiện phương hướng chiến lược.	Năm học 2025-2026	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Cô Tô có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập, kiện toàn tại Quyết định số 700/QĐ-PGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường Mầm non Cô Tô, nhiệm kỳ 2016 - 2021; Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc thành lập Hội đồng trường Mầm non Cô Tô nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định 1299/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Cô Tô nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định 1703/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Cô Tô nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định 1160/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Cô Tô nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Điều 18,19 Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 và Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non. Điều 55, Luật giáo dục số 43/2019/QH14. Năm 2020 - 2021 hội đồng trường, gồm 07 thành viên. Từ năm 2021 – 2025 Hội đồng trường gồm 9 thành viên. Chủ tịch Hội đồng trường do các thành viên hội đồng bầu; Thư ký hội đồng trường do Chủ tịch hội đồng trường chỉ định. Trong đó đồng chí Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là Phó chủ tịch UBND thị trấn Cô Tô, Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, Tổ trưởng các tổ chuyên môn **[H2-1.2-01]**.

Hội đồng thi đua - khen thưởng; Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm được thành lập hàng năm **[H2-1.2-02]; [H2-1.2-03]**.

b) Hội đồng trường tổ chức họp từ 3 lần/năm để quyết nghị mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hàng năm của nhà trường; Nghị quyết quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế,

quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự... Hàng năm Hội đồng trường tổ chức giám sát từ 1 - 2 cuộc với các nội dung như: giám sát việc quản lý, sử dụng các trang thiết bị dạy học; giám sát thực hiện Quy chế dân chủ; giám sát việc chi trả chế độ chính sách cho đội ngũ; giám sát việc tổ chức hoạt động bán trú cho trẻ; giám sát việc quản lý, sử dụng các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; giám sát việc tổ chức hoạt động bán trú cho trẻ **[H1-1.1-07]**. Hội đồng thi đua - khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua trong năm học như phong trào “Thi đua xây dựng môi trường xanh - sạch đẹp - an toàn - thân thiện”; “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”, các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3...sau mỗi đợt thi đua. Hội đồng thi đua tổ chức các cuộc họp vào đầu năm học, cuối học kì I, cuối năm học. Hội đồng chăm sóc sức khỏe kinh nghiệm được thành lập vào cuối mỗi năm học, thực hiện thẩm định, đánh giá và xác nhận đề tài, sáng kiến kinh nghiệm có hiệu quả trong thực tế công tác tại đơn vị của các cá nhân làm căn cứ trình cấp trên chăm công nhận sáng kiến kinh nghiệm cho các cá nhân **[H1-1.2-06]; [H2-1.2-02]**.

c) Cuối học kỳ, năm học Hội đồng trường, Hội đồng thi đua - khen thưởng tổ chức các cuộc họp để các thành viên trong Hội đồng thảo luận, rà soát, đánh giá kết quả, phân tích tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và rút kinh nghiệm các hoạt động đã triển khai trong học kỳ, năm học **[H1-1.1-07]; [H2-1.1-02]**.

Mức 2:

Các Hội đồng trong nhà trường đều hoạt động tích cực, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em của nhà trường. Hội đồng trường họp định kỳ 3 lần/năm vào đầu năm, giữa năm và cuối năm để đánh giá những mặt đã đạt được và đưa ra phương hướng hoạt động cho kỳ tiếp theo, hội đồng trường hoạt động theo đúng kế hoạch, có nội dung hoạt động chi tiết cho từng tháng, có biện pháp và phương hướng hoạt động. Hội đồng thi đua khen thưởng đã đề xuất khen thưởng kịp thời đối với cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường trong các đợt thi đua do nhà trường phát động, trong các hội thi. Hội đồng chăm sóc sức khỏe kinh nghiệm, chăm thi giáo viên giỏi hoạt động tích cực trong việc bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên qua việc hoàn thiện sáng kiến kinh nghiệm và thực hiện tốt các hội thi giáo viên giỏi góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Các hội đồng hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường

được đánh giá tại các cuộc họp hội đồng và trong báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường được thành lập, kiện toàn đúng quy định, hoạt động nề nếp, hiệu quả với vai trò quan trọng trong việc quyết nghị kế hoạch phát triển giáo dục, xã hội hóa nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên, đảm bảo minh bạch trong quản lý và sử dụng các nguồn lực. Hội đồng thi đua - khen thưởng hoạt động tích cực, tham mưu kịp thời trong việc tổ chức các phong trào thi đua, góp phần tạo động lực và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Hàng năm các thành viên Hội đồng trường thường có những thay đổi trong năm học do đó không thể hoạt động trong suốt nhiệm kỳ 5 năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tham mưu kiện toàn chức danh thành viên Hội đồng trường đảm bảo khoảng thời gian hoạt động lâu nhất trong lộ trình thực hiện 5 năm - Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng soạn thảo, tham gia ý kiến, kỹ năng giám sát của các thành viên Hội đồng trường	Hiệu trưởng, Hội đồng sư phạm nhà trường, phụ huynh	- Chủ tịch Hội đồng trường phân công cụ thể nhiệm vụ của từng thành viên trong Hội đồng trường phù hợp với năng lực, sở trường công tác và nhiệm vụ được giao. - Phân công hỗ trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trong Hội đồng trường: Thành viên có kinh nghiệm hỗ trợ thành viên chưa có kinh nghiệm	Trong đầu nhiệm kỳ 2026-2031 và hằng năm khi có nhân sự buộc phải thay đổi, kiện toàn	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn nhà trường được công nhận theo Quyết định số 34/QĐ-LĐLĐ ngày 06/10/2017 về việc công nhận kết quả bầu cử Ban chấp hành Công đoàn trường Mầm non Cô Tô khóa IV, nhiệm kỳ 2017 - 2022, Ban chấp hành Công đoàn gồm có 03 thành viên, Chủ tịch công đoàn là đồng chí Hoàng Thị Thảo, Phó chủ tịch công đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Duyên, ủy viên là đồng chí Nguyễn Thị Ngát; Quyết định số 99/QĐ-LĐLĐ ngày 06/09/2021 về việc chỉ định BCH, chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên, Ủy ban kiểm tra lâm thời Công đoàn trường Mầm non Cô Tô khóa IV, nhiệm kỳ 2017 - 2022, Ban chấp hành Công đoàn gồm có 03 thành viên, Chủ tịch công đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Hương, Phó chủ tịch công đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Thủy, ủy viên là đồng chí Nguyễn Thanh Hải; đồng chí Nguyễn Thị Thủy Phó chủ tịch phụ trách công tác kiểm tra; Công đoàn trường có tổng số 25 đoàn viên.

Quyết định số 57/QĐ-LĐLĐ ngày 16/3/2023 về việc công nhận kết quả bầu cử Ban chấp hành Công đoàn trường Mầm non Cô Tô khóa V, nhiệm kỳ 2023 - 2028, Ban chấp hành Công đoàn gồm có 03 thành viên, Chủ tịch công đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Hương, Phó chủ tịch công đoàn là đồng chí Hà Thị Ngân, ủy viên là đồng chí Nguyễn Thanh Hải; Quyết định số 174/QĐ-LĐLĐ ngày 16/08/2023 về việc công nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên BCH công đoàn trường Mầm non Cô Tô nhiệm kỳ 2023 - 2028, đồng chí Đậu Thị Múa là ủy viên; Quyết định số 21/QĐ-LĐLĐ ngày 24/10/2024 về việc công nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên BCH, chức danh Phó Chủ tịch công đoàn trường Mầm non Cô Tô nhiệm kỳ 2023 – 2028; đồng chí Đậu Thị Múa là Phó chủ tịch Công đoàn, đồng chí Lương Thị Trang là ủy viên. Quyết định số 06/QĐ-LĐLĐ ngày 26 tháng 03 năm 2025 của LĐLĐ huyện Cô Tô về việc công nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ban chấp hành, chức danh Chủ tịch Công đoàn trường Mầm non

lần thứ V, nhiệm kỳ 2023 - 2028, đồng chí Phạm Thanh Thùy là Chủ tịch công đoàn; Công đoàn trường gồm 28 đoàn viên **[H3-1.3-01]**. Đoàn TNCSHCM được công nhận theo Quyết định số 13/QĐ-ĐTN ngày 05/10/2020. Quyết định số 10/QĐ-ĐTN ngày 02/10/2021; Quyết định số 10/QĐ-ĐTN ngày 01/10/2022; Quyết định số 15/QĐ-ĐTN ngày 29/09/2023; Quyết định số 22/QĐ-ĐTN ngày 02/10/2024 của Ban chấp hành Đoàn thị trấn Cô Tô về việc công nhận Ủy viên ban chấp hành, chức danh Bí thư, Phó bí thư chi đoàn trường Mầm non Cô Tô. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định **[H3-1.3-02]**.

b) Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Ban chấp hành Công đoàn trường xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường. Tổ chức Công đoàn nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, người lao động; giám sát thực hiện chính sách, pháp luật; nội quy; quy chế; phối hợp với nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ; chăm lo đời sống vật chất cho đoàn viên; tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết công đoàn các cấp; quản lý sử dụng tài sản, tài chính công đoàn; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh **[H3-1.3-03]**. Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hàng năm xây dựng các kế hoạch hoạt động theo Nghị quyết, chương trình các cấp chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ theo Điều 18 của Điều lệ Đoàn TNCSHCM khóa XII. Chi đoàn trường làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng Đoàn và tích cực giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, bồi dưỡng và kết nạp (trong 5 năm qua chi đoàn đã giới thiệu và đề nghị kết nạp 04 đoàn viên ưu tú vào đảng). Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường và tham mưu với đoàn phường thực hiện tốt phong trào hỗ trợ nhân lực xây dựng cảnh quan các điểm trường trường xanh - sạch - đẹp, là lực lượng nòng cốt trong phong trào văn hóa văn nghệ, của nhà trường **[H3-1.3-04]**.

c) Cuối năm học nhà trường đánh giá về các hoạt động của các đoàn thể, có nhận xét về việc rà soát, đánh giá các hoạt động của các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác. Hàng năm nhà trường đánh giá hoạt động của các đoàn thể trong báo cáo tổng kết năm học **[H1-1.1-06]**.

Năm	Mức xếp loại công đoàn
2020	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2021	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2022	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2024	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Năm	Mức xếp loại Đoàn thanh niên
2020	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2021	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2024	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Mức 2:

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng gồm 24 đảng viên, chi bộ thuộc Đảng ủy thị trấn Cô Tô. Đảng ủy thị trấn Cô Tô ra quyết định số 167-QĐ/ĐU, ngày 13/01/2025 về việc chuẩn y kết quả bầu cử Chi ủy, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ trường Mầm non Cô Tô khóa VIII, nhiệm kỳ 2025 - 2027 gồm các đồng chí Nguyễn Thị Hương - Bí thư chi bộ; đồng chí Phạm Thanh Thùy - Phó bí thư chi bộ; đồng chí Vũ Văn Lợi - Chi ủy viên **[H3-1.3-05]; [H1-1.1-06]**; Năm 2022 Chi bộ đã đạt thành tích chi bộ hoàn xuất sắc nhiệm vụ **[H3-1.3-06]**; Trong 5 năm qua Chi bộ nhà trường được Đảng ủy thị trấn Cô Tô xếp loại Chi bộ cụ thể như sau:

Năm	Mức xếp loại chi bộ
2020	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2021	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2023	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2024	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

b) Các đoàn thể, tổ chức đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có đóng góp tích cực trong việc đẩy mạnh các phong trào thi đua của nhà trường. Thường xuyên động viên tinh thần các đồng chí đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên yên tâm công tác, tích cực bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện. Phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện đảm bảo theo mục tiêu giáo dục mầm non **[H1-1.1-06]**.

Mức 3:

a) Từ năm 2020 đến năm 2025 Chi bộ trường Mầm non Cô Tô luôn đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Cụ thể: Năm 2022 Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Năm 2020, 2021, 2023; 2024 đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà

trường có nhận xét, đánh giá về đóng góp hiệu quả của các đoàn thể, tổ chức khác cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường hàng năm **[H3-1.3-06]; [H1-1.1-06]**.

b) Tổ chức Công đoàn có nhiều hoạt động, phong trào thi đua thiết thực như phong trào thi đua “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”, các phong trào thi đua chào mừng ngày lễ lớn trong năm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3... đã tạo được không khí thi đua sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường. Chi đoàn nhà trường luôn là lực lượng nòng cốt trong mọi hoạt động của nhà trường, thực hiện tốt các phong trào “Phong trào hiến máu tình nguyện”, công tác xây dựng tổ chức Đoàn, Đảng, công tác tình nguyện tham gia phòng chống dịch Covid-19. Tổ chức công đoàn và Chi đoàn vận động đoàn viên tham gia ủng hộ các loại quỹ, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tuyên truyền bầu cử tại địa phương **[H1-1.1-06]**.

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ đảng, có tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên, hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức, Chi bộ đảng luôn được Đảng bộ thị trấn Cô Tô đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, năm 2022 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công đoàn và Chi đoàn trường luôn hoạt động tích cực, hiệu quả, phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt, xung kích trong mọi phong trào và nhiệm vụ được giao. 100% đoàn viên công đoàn và đoàn viên thanh niên đều tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn và phong trào thi đua do nhà trường, công đoàn ngành và địa phương phát động. Trong phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, Công đoàn đã tổ chức thành công 10 hoạt động lớn chào mừng các ngày lễ trong năm như ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, thu hút 100% đoàn viên tham gia, tạo không khí vui tươi, gắn kết trong toàn thể nhà trường. Đặc biệt, trong phong trào hiến máu tình nguyện, đã có 26 đoàn viên tham gia hiến máu nhân đạo, góp phần lan tỏa tinh thần yêu thương, chia sẻ trong cộng đồng. Bên cạnh đó, Công đoàn và Chi đoàn còn tích cực vận động, quyên góp được tổng số tiền 6.000.000 đồng để hỗ trợ cho 01 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và 08 trẻ khuyết tật theo học tại trường từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025.

3. Điểm yếu

Đội ngũ cán bộ công đoàn chưa thật sự ổn định và đồng đều về năng lực, kỹ năng hoạt động cũng như kinh nghiệm thực tiễn. Điều này ảnh hưởng đến tính thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng trong triển khai nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu kiện toàn chức danh BCH công đoàn đảm bảo khoảng thời gian hoạt động lâu nhất trong nhiệm kỳ	BCH công đoàn	- Chủ tịch công đoàn trường phân công cụ thể nhiệm vụ của từng thành viên trong BCH phù hợp với năng lực, sở trường công tác và nhiệm vụ được giao. - Phân công hỗ trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trong BCH	Trong đầu nhiệm kỳ và khi có quyết định bổ sung BCH	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01(một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1 :

- a) Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non gồm: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.

Đồng chí Nguyễn Thị Hương - Hiệu trưởng: Được bổ nhiệm lần thứ nhất theo Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 13/03/2018 Quyết định về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Mầm non Cô Tô tại trường Mầm non Cô Tô. Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 Quyết định về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Mầm non Cô Tô.

Đồng chí Phạm Thanh Thùy - Phó hiệu trưởng: Được bổ nhiệm lần thứ nhất theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 20/10/2011; Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 về việc bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng trường Mầm non Đồng Tiến; Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 07/08/2018 Quyết định về việc luân chuyển viên chức lãnh đạo quản lý trường học; Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 10/09/2023 Quyết định về việc bổ nhiệm lại Hiệu phó trường Mầm non Cô Tô.

Đồng chí Nguyễn Thị Mai - Phó hiệu trưởng: Được bổ nhiệm theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Mầm non Đồng Tiến; Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 về việc điều động và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý **[H4-1.4- 01]**.

b) Ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non. Từ năm học 2020 - 2021 đến nay, nhà trường luôn duy trì thực hiện 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Năm học 2024 - 2025, tổ chuyên môn 4, 5 tuổi có 16 đồng chí, trong đó có 01 CBQL phụ trách chỉ đạo và 12 giáo viên; 03 nhân viên cấp dưỡng, có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó; Tổ chuyên môn 1, 2, 3 tuổi có 12 đồng chí, trong đó có 01 CBQL phụ trách chỉ đạo và 11 giáo viên, có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó; Tổ văn phòng gồm 04 thành viên, trong đó có 01 CBQL phụ trách chỉ đạo, nhân viên y tế, nhân viên kế toán, bảo vệ, có 01 tổ trưởng **[H4-1.4-02]; [H4-1.4-03]**.

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, theo tháng. Tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học bám sát vào kế hoạch của nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN. Tổ chuyên môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên bồi dưỡng về công nghệ thông tin, các chuyên đề trong năm học, chuyên môn, nghiệp vụ gắn với các vị trí công việc; Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên; Tổ văn phòng có nhiệm vụ giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường **[H4-1.4-04]; [H4-1.4-05]; [1.4-06]; [1.4-07]; [H4-1.4-08]**.

Mức 2:

a) Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, tổ chuyên môn họp thảo luận và đề xuất với CBQL nhà trường từ 1-2 chuyên đề để thực hiện chuyên đề cấp tổ trong năm học. Các chuyên đề được tổ chức xuyên suốt trong năm học, dưới nhiều hình thức, đảm bảo tính kế thừa, phát huy đồng thời bổ sung thêm những nội dung mới góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, nhân viên trong tổ chuyên môn cũng như các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường được nhà trường đánh giá về hiệu quả chuyên đề của tổ chuyên môn trong các năm học. Tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm học nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý sử dụng tài liệu đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau phát triển năng lực chuyên môn [**H4-1.4-09**]; [**H4-1.4-06**].

Bảng thống kê chuyên đề các tổ chuyên môn thực hiện trong năm học

Năm học	Tổ chuyên môn 4, 5	Tổ chuyên môn 1, 2, 3
2020-2021	Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” Chuyên đề “Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội”	Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” Chuyên đề “Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội”
2021-2022	Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” Chuyên đề “Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội”	Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” Chuyên đề “Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội”
2022-2023	Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”	Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”
2023-2024	Chuyên đề “Ứng dụng phương pháp tiên tiến STEAM”	Chuyên đề “Ứng dụng phương pháp tiên tiến STEAM”
2024-2025	Chuyên đề “Ứng dụng phương pháp tiên tiến STEAM” Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”	Chuyên đề “Ứng dụng phương pháp tiên tiến STEAM” Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”

b) Thông qua các buổi sinh hoạt, tổ chuyên môn, tổ văn phòng rà soát, đánh giá điều chỉnh kịp thời kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình thực tế. Nhà trường thường xuyên kiểm tra kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch của

tổ, kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp, tổ chức đánh giá ưu, nhược điểm, nguyên nhân tồn tại về các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng; đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong năm học và các năm học tiếp theo. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh **[H4-1.4-05]**.

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn của nhà trường đã chủ động, sáng tạo trong triển khai các hoạt động chuyên môn phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị như: Công tác bồi dưỡng giáo viên được thực hiện linh hoạt thông qua nhiều hình thức như dự giờ trực tiếp; tư vấn thông qua xem giáo án, bồi dưỡng cách tổ chức hoạt động ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến STEAM; xây dựng tiết mẫu để giáo viên trong tổ được dự trực tiếp. Tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rút kinh nghiệm cho các thành viên trong tổ về công tác tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhóm, lớp để tư vấn, hướng dẫn kịp thời; hướng dẫn giáo viên trong tổ khai thác và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được trang cấp. Tổ văn phòng thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch; tham mưu giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong nhà trường. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng triển khai các hoạt động thường xuyên, tích cực góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hàng năm nhà trường đánh giá, xếp loại cho tổ chuyên môn, tổ văn phòng về đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường **[H1-1.1-06]; [H4-1.4-10]**.

b) Hàng năm tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chuyên đề. Các chuyên đề được Tổ chuyên môn tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú như tổ chức hội nghị chuyên đề, dự hoạt động mẫu, thăm quan, thảo luận, chia sẻ; lồng ghép chuyên đề ở tất cả các hoạt động giáo dục; xuyên suốt trong năm học, qua đó giáo viên được học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ **[H4-1.4-09]; [H1-1.1-06]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn được sắp xếp đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn của trường và các nhóm, lớp. Các tổ trưởng tổ chuyên môn có trình độ, năng lực vững vàng và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đã điều hành chỉ đạo hoạt động của tổ nhịp nhàng, triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục hàng tháng theo đúng kế hoạch đã xây dựng. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và

các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ.

3. Điểm yếu

Các tổ chuyên môn chưa xây dựng được nhiều tiết mẫu để giáo viên trong tổ được dự trực tiếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chuyên môn xây dựng bổ sung các tiết mẫu	Tổ chuyên môn.	- Đầu năm học tổ chuyên môn cho giáo viên trong tổ đăng ký các tiết mẫu theo nguyện vọng (tiết khó, mới, giáo viên chưa nắm chắc). - Nghiên cứu các hoạt động mẫu giáo viên đề xuất, phân công cho giáo viên cốt cán trong tổ nghiên cứu, thảo luận, xây dựng. - Tổ chức dạy tiết mẫu theo kế hoạch để tổ viên thảo luận, chia sẻ, rút kinh nghiệm. - Quay lại các tiết mẫu để mọi thành viên trong tổ đều được xem hoạt động mẫu.	Đầu năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	0đ
Tăng cường bồi dưỡng công tác quản lý chỉ đạo của tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.	Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn	Phát huy tính tích cực các thành viên trong tổ. Tăng cường công tác chỉ đạo các tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng nội dung sinh hoạt phù hợp với tình hình thực tế của tổ. Phân công Phó hiệu trưởng tham gia, dự giờ các buổi sinh hoạt của các tổ, rút kinh nghiệm cho các tổ chuyên môn xây dựng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt tổ.	Tháng 9/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2: Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, đặc biệt là ban chỉ đạo phổ cập giáo dục mầm non, tiến hành rà soát số lượng trẻ em 5 tuổi cư trú trên địa bàn. Căn cứ vào kết quả rà soát, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tuyên truyền phụ huynh cho trẻ 5 tuổi ra lớp theo kế. Sau khi hoàn tất tuyển sinh, nhà trường cập nhật danh sách trẻ 5 tuổi đã tuyển vào phần mềm phổ cập giáo dục mầm non, phối hợp với Ban chỉ đạo phổ cập thị trấn Cô Tô để xác minh và hoàn thiện số liệu. Trong các năm học gần đây, kết quả tuyển sinh trẻ 5 tuổi của nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, không có trường hợp nào trong độ tuổi bỏ sót hoặc không được huy động đến trường. Điều này góp phần quan trọng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại địa phương [H5-1.5-01]; [1.5-02].

b) Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 10 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non: 03 nhóm trẻ đối với trẻ từ 13 - 36 tháng, 02 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi, 02 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi [H5-1.5-03]; [H5-1.5-04].

Trong 4 năm liên tiếp, từ năm 2021 - 2022 đến năm học 2024 - 2025, nhà trường có mỗi năm 02 trẻ khuyết tật dạng thần kinh, nhìn; khuyết tật trí tuệ mức độ nặng học hòa nhập; hàng năm được nhà trường bố trí học tại 02 nhóm, lớp

khác nhau; mỗi nhóm, lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập được bố trí số lượng trẻ giảm 05 trẻ/nhóm, lớp theo đúng quy định tại Điều lệ Trường mầm non **[H5-1.5-04]; [H5-1.5-05]**.

c) 10/10 nhóm, lớp đạt tỷ lệ 100% được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường **[H5-1.5- 06]; [1.5-07]**.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường mầm non **[H5-1.5- 01]; [H5-1.5- 03]**.

Số trẻ/nhóm, lớp các năm học cụ thể như sau:

Nhóm /lớp	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
	TS nhóm, lớp	Tổng số trẻ	TS nhóm, lớp	Tổng số trẻ	TS nhóm, lớp	Tổng số trẻ	TS nhóm, lớp	Tổng số trẻ	TS nhóm, lớp	Tổng số trẻ
Nhóm trẻ	2	56	2	52	3	72	2	50	3	52
3- 4 tuổi	3	67	3	77	2	63	3	72	2	52
4- 5 tuổi	3	71	3	66	3	76	2	66	3	75
5-6 tuổi	2	65	2	71	2	63	3	78	2	67
Cộng	10	259	10	266	10	274	10	266	10	246

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ đến trường đều được học 2 buổi/ngày. Số trẻ được phân chia theo độ tuổi và không vượt quá theo quy định. Nhà trường có số nhóm, lớp không quá 20 nhóm, lớp.

3. Điểm yếu

Số trẻ trong độ tuổi nhà trẻ 13 - 24 tháng ra lớp tỷ lệ chưa cao, chưa đảm bảo số trẻ/nhóm theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tích cực hơn nữa trong công tác tuyên truyền vận động trẻ nhà trẻ nhập học ngay từ đầu năm học.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Phân công giáo viên điều tra phổ cập giáo dục; phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền cha mẹ đưa trẻ đến trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	
Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tạo niềm tin cho các bậc phụ huynh yên tâm đưa trẻ đến trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ; tăng cường điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của phụ huynh...	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Cô Tô có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản như: Hồ sơ quản lý trẻ em; Hồ sơ quản lý nhân sự; Kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học; Hồ sơ phổ cập giáo dục; Hồ sơ quản lý chuyên môn, Hồ sơ quản lý tài sản - tài chính; Hồ sơ quản lý bán trú; Hồ sơ khuyết tật; Hồ sơ quản lý các văn bản... theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT. Công tác kiểm kê tài sản được thực hiện hàng năm theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước; công khai dự toán, quyết toán các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ giáo dục trong nhà trường theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Các hồ sơ được sắp xếp theo từng năm học; theo nội dung hoạt động và được lưu trữ tại văn phòng trường. Nhà trường mở sổ theo dõi công văn đi - đến, giao cho nhân viên kế toán kiêm công tác văn thư quản lý và cập nhật. Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ hành chính được thực hiện kiêm nhiệm nên chưa khoa học **[H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H1-1.1-06]**.

b) Hàng năm nhà trường đã thực hiện lập dự toán tài chính theo năm tài chính đối với nguồn ngân sách, theo năm học đối với các nguồn thu, chi ngoài ngân sách theo đúng quy định của Nhà nước và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên. Dự toán được xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, đảm bảo phù hợp với các nguồn thu, chi thực tế. Sau khi được phê duyệt của Hội đồng trường, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thu chi. Công tác thu chi được thực hiện minh bạch, đúng quy định, phù hợp với kế hoạch dự toán được duyệt. Quyết toán tài chính được thực hiện định kỳ theo quy định, có sự kiểm tra, đối chiếu giữa các bộ phận kế toán, tài chính và các cơ quan quản lý. Hồ sơ, chứng từ liên quan đến thu chi được lưu trữ đầy đủ, đúng quy định.

Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản lý tài sản được thực hiện định kỳ, phản ánh trung thực, rõ ràng các hoạt động tài chính và tình hình sử dụng tài sản của trường theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021

của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác kiểm kê tài sản được thực hiện hàng năm theo quy định, đảm bảo đầy đủ thông tin và minh bạch trong quản lý tài sản. Việc thống kê tài sản được thực hiện hàng tháng, cập nhật sổ theo dõi tài sản tại các nơi sử dụng, tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán sửa chữa, mua sắm bổ sung kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng và an toàn sử dụng.

Nhà trường thực hiện công khai dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Công khai dự toán, quyết toán các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ giáo dục trong nhà trường theo văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT. Từ tháng 9 năm học 2024 - 2025 nhà trường thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân **[1.4-07]**.

Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, lấy ý kiến của CBQL, GV, NV trong mỗi kỳ Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động, đầu mỗi năm tài chính và khi có hướng dẫn, yêu cầu của cấp trên. Sau khi được phê duyệt của Hội đồng trường, quy chế được ban hành, bổ sung, điều chỉnh và đưa vào thực hiện **[H6-1.6-03]**.

c) Hàng năm, bộ phận tài chính, tổ chuyên môn tham mưu với Hiệu trưởng kế hoạch sử dụng tài chính và tài sản phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng, phát huy tối đa hiệu quả của tài sản và các nguồn lực tài chính để phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Các nội dung mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, cơ sở vật chất được thực hiện đúng quy trình từ đề xuất, kiểm tra xác minh, xây dựng dự toán, kế hoạch, tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành **[H1-1.1-06]**.

Mức 2:

a) Nhà trường đã sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản: MISA; Phần mềm quản lý trường học MISA EMIS; Phần mềm MISA QLTS. Nhà trường sử dụng chữ ký số trong phê duyệt các giao dịch qua kho bạc, ký duyệt các văn bản điện tử **[H6-1.6-04]; [1.4-07]**.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không vi phạm liên quan đến công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra **[1.4- 07]**.

Mức 3:

Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 107/KH-MNCT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của trường Mầm non Cô Tô về Kế hoạch huy động nguồn tài chính giai đoạn 2020 - 2025 nhằm tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương theo quy định để thực hiện phát triển nhà trường theo chiến lược đã xây dựng. Kế hoạch được triển khai thực hiện có hiệu quả với các nguồn vốn đầu tư, chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, việc huy động nguồn lực xã hội hóa chưa đạt hiệu quả cao, năm học 2022 - 2023 phụ huynh 10 bộ trang phục biểu diễn văn nghệ trị giá 2.000.000 đồng và 32 bộ tạp dề để phục vụ cho các hoạt động bé tập làm nội trợ, hỗ trợ trong giảng dạy trị giá 2.300.000 đồng [H6-1.6-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ theo quy định của Điều 25 Điều lệ Trường mầm non. Nhà trường thực hiện tốt công tác chuyển đổi số trong nhà trường, ứng dụng các phần mềm để quản lý văn bản, hồ sơ sổ sách, theo dõi tài sản, dịch vụ công thanh toán qua kho bạc, không sử dụng tiền mặt... Lập dự toán, thu-chi, quyết toán, báo cáo, công khai tài chính đúng quy định; quản lý sử dụng tài sản, tài chính đúng mục đích.

3. Điểm yếu

Công tác xã hội hóa của nhà trường còn hạn chế đa số phụ huynh làm ngư nghiệp và buôn bán nhỏ, kinh tế của phụ huynh còn gặp nhiều khó khăn... nên nguồn tài trợ kinh phí thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác hành chính, tài chính, tài sản theo lưu trữ hồ sơ kiểm kê, tài sản theo quy định. Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa.	Hiệu trưởng	Tiếp tục huy động được các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để huy động các nguồn lực bằng nhiều hình thức.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí: 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV theo hàng năm. Lãnh đạo nhà trường tổ chức bồi dưỡng tập trung đối với các nội dung mới, đa số giáo viên có nhu cầu bồi dưỡng [H4-1.4-04]; [H7-1.7-01]; [1.7- 02]; tuy nhiên do điều kiện thực tế của nhà trường nên hoạt động bồi dưỡng chuyên môn thường phải tổ chức ngoài giờ.

b) Hàng năm căn cứ vào số lượng biên chế được giao, đầu mỗi năm học Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV đảm bảo phù hợp theo năng lực, sở trường, trình độ đào tạo giữa các nhóm, lớp để giáo viên có thể hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ; trong năm học hiệu trưởng nhà trường ban hành các quyết định bổ sung đảm bảo yêu cầu thực hiện khi có những vấn đề phát sinh. Trước khi ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV nhà trường thông báo Dự thảo phân công để giáo viên, nhân viên tham gia ý kiến, đảm bảo khách quan, công khai, dân chủ trong phân công nhiệm vụ [1.7- 02]; [H7-1.7-03]; [H7-1.7-04].

c) Hàng năm, 100% CBQL, GV, NV của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ Trường mầm non ban hành tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT: Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi

đường, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập, bồi dưỡng, được khen thưởng, tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác theo quy định, được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật. Nhân viên cấp dưỡng chưa được hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước [1.4- 07]; [H3-1.3-03]; [H1-1.1-06]; [H7-1.7-05].

Mức 2:

Để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, nhà trường đã triển khai một số biện pháp sau: Coi trọng việc xây dựng mối đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ trong tập thể nhà trường, trong phân công nhiệm vụ luôn quan tâm sắp xếp giáo viên có năng lực tốt kèm cặp giáo viên có năng lực yếu, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ, quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tổ chức các hội thi và các hoạt động giao lưu, hoạt động phong trào, hội nghị, hội thảo, động viên CBQL, GV, NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia học các lớp bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ, sơ cấp lý luận chính trị, tổ chức tốt các phong trào thi đua - khen thưởng trong nhà trường [H7-1.7-03]; [H3-1.3-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kịp thời, hiệu quả cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên và phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực trình độ từng người nên đã phát huy được chất lượng đội ngũ của nhà trường.

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc đầy đủ về chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trong các ngày lễ tết, nhà trường cùng công đoàn quan tâm động viên kịp thời cho đội ngũ giáo viên, chú ý đến giáo viên có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn thường phải tổ chức ngoài giờ nên ít nhiều ảnh hưởng đến thời gian sinh hoạt của CBQL, GV, NV. Tinh thần tự học tập, tự bồi dưỡng ở một số giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cần chú ý thời gian tổ chức họp lý vào hè để CBQL, GV, NV tham gia được đầy đủ.	Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng các tổ	Lấy ý kiến của CBQL, GV, NV về nhu cầu và nguyện vọng đào tạo bồi dưỡng.	Năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục mầm non, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do Sở GDĐT Quảng Ninh, Phòng GDĐT huyện Cô Tô ban hành hàng năm. Kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN của nhà trường phù hợp với lịch sử địa phương, vị trí địa lý, điều kiện kinh tế của xã phù hợp với mục tiêu phát triển của nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất, diện tích khuôn viên, năng lực đội ngũ giáo viên và khả năng của trẻ **[1.4-06]**.

b) Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo đủ 35 tuần theo đúng khung kế hoạch thời gian năm học; căn cứ vào Kế hoạch của nhà trường, giáo viên xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục năm học **[1.8-01]**; kế hoạch chủ đề **[1.8-02]**; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục trẻ hàng ngày, nghiêm túc thực hiện theo đúng kế hoạch đã xây dựng, đảm bảo thực hiện 100% các mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục năm học đúng tiến độ **[1.8-03]**.

c) Hàng năm nhà trường tổ chức các buổi họp, sinh hoạt để thảo luận, rà soát các mục tiêu, nội dung trong kế hoạch giáo dục năm học các độ tuổi **[1.4-06]**; sau mỗi chủ đề giáo viên thực hiện đánh giá trẻ, từ kết quả đánh giá trẻ điều chỉnh mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp cho chủ đề tiếp theo **[H8-04]**. Định kỳ hàng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tổ chức kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên, dự giờ thăm lớp để kịp thời rút kinh nghiệm, tư vấn, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục **[H1-1.1-06]**.

Mức 2:

Trong 5 năm qua nhà trường đã áp dụng các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ như sau: Giao trách nhiệm phụ trách quản lý và chịu trách nhiệm đối với từng tổ chuyên môn, đối với từng cá nhân là cán bộ quản lý, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn; Chú trọng công tác bồi dưỡng thông qua thực tiễn; Tăng cường các hoạt động kiểm tra đột xuất; Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ, công tác đánh giá luôn dựa trên hiệu quả hoạt động, đảm bảo công bằng, khách quan. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường được các cơ quan quản lý các cấp đánh giá có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại trường **[H1-1.1-06]**; **[H1-1.1-07]**. Nhà trường nhiều năm đạt tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc; UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc trong năm 2021 - 2022; 2022 - 2023; 2023 - 2024, năm học 2021 - 2022 trường được UBND tỉnh tặng cờ dẫn đầu khối Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở trong toàn huyện; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen năm học 2022 - 2023; Năm học 2020 - 2021; 2023 - 2024 nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen **[1.8-05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bám sát Chương trình GDMN sửa đổi theo thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về Thông tư ban hành Chương trình GDMN và kế hoạch chỉ đạo của Sở GDĐT, Phòng GDĐT phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, chú trọng đổi mới hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Thường xuyên chỉ đạo các tổ chuyên môn đẩy mạnh thực hiện các chuyên đề cấp trường về đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ.

Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra rà soát, đánh giá việc xây dựng kế hoạch và bổ sung điều chỉnh kịp thời cho giáo viên. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên xây dựng kế hoạch còn chưa linh hoạt, sáng tạo, chưa bám sát vào đặc điểm tình hình của lớp, của trẻ nên xác định mục tiêu đưa vào các chủ đề còn chưa phù hợp, kết quả trên trẻ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục phát huy, duy trì tinh thần tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn bồi dưỡng cho giáo viên về xây dựng kế hoạch giáo dục.	Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trên cơ sở căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Luật dân chủ cơ sở năm 2022, Nghị định số 59/2023-NĐ/CP, ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Ngay từ đầu các năm học nhà trường đã xây dựng dự thảo các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong đó có Quy chế dân chủ. Triển khai đến toàn bộ CBQL, GV, NV để mọi người hiểu và có trách nhiệm thực hiện. Được tập thể CBQL, GV, NV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến thông qua Hội nghị cấp tổ, Hội nghị Nhà giáo

CBQL, người lao động. CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Những tham luận đó đã bổ sung cho kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Tất cả ý kiến tham gia đóng góp đều được ghi lại trong biên bản họp Hội nghị nhà giáo, CBQL, người lao động cấp tổ, hội nghị Hội nghị cán bộ, viên chức, lao động hàng năm. Định kỳ theo năm học, trường tổ chức hội nghị nhà giáo, CBQL, người lao động để thông qua báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học trước, phương hướng nhiệm vụ năm học mới của tổ chức chính quyền, công đoàn, ban thanh tra nhân dân; công khai quyết toán tài chính năm trước và dự toán cho năm sau. Tại hội nghị 100% cán bộ viên chức, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo quyền dân chủ của mọi người trong hoạt động của nhà trường. Thông qua các buổi họp Hội đồng trường, sinh hoạt chuyên môn, CBQL lắng nghe ý kiến đóng góp cho các hoạt động giảng dạy, các vấn đề liên quan đến quyền lợi của cán bộ, viên chức, người lao động và kế hoạch phát triển. Từ đó vừa phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, huy động được tổng lực trí tuệ trong toàn trường để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Đồng thời thực hiện tốt nguyện vọng chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và ngăn ngừa được những sai phạm, tiêu cực. CBQL, GV, NV sẽ kiểm tra giám sát mọi hoạt động của nhà trường qua tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, trên cơ sở quy chế phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn cơ sở. Hàng năm nhà trường báo cáo kịp thời, đầy đủ về thực hiện quy chế dân chủ, công khai trong nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, báo cáo tổng kết. Tất cả đều được công khai minh bạch. Một số giáo viên chưa đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời khi xây dựng kế hoạch nội quy [H7-1.7-05]; [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02]; [H1-1.1-06].

b) Nhà trường xây dựng nội quy, quy định tiếp công dân và phân công cán bộ thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết các kiến nghị phản ánh của nhà giáo người lao động, phụ huynh, nhân dân và đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định. Nhà trường mở hòm thư góp ý; thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 (số điện thoại đường dây nóng, công khai các chế độ, chính sách đối với trẻ em, các khoản thu...; trong nhiều năm qua nhà trường không có các kiến nghị phản ánh hay đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ viên chức cũng như nhân dân trên địa bàn [H9-1.9-01]

c) Hàng năm, nhà trường có báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ; Hiệu trưởng nhà trường đánh giá công tác thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động, trong Hội nghị tổng kết năm học; việc thực hiện quy chế dân chủ còn được tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra Nhân dân đánh giá trong các Hội nghị tổng kết [H9-1.9-03]; [H3-1.3-03]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch. Ban thanh tra nhân dân thực

hiện nhiệm vụ giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế đặc biệt là các quy định liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của cán bộ, giáo viên, nhân viên; giám sát việc thực hiện chế độ chính sách như tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm, chế độ nâng lương, thi đua - khen thưởng, kỷ luật, thu chi tài chính, chi tiêu nội bộ, quản lý tài chính, tài sản; giám sát công tác công khai của thủ trưởng đơn vị và việc công khai minh bạch các thông tin tại đơn vị. Công đoàn nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ để nghe báo cáo của hoạt động của thanh tra, kịp thời có những biện pháp chỉ đạo, khuyến khích hoạt động của thanh tra cũng như kiến nghị với Hiệu trưởng hoặc cá nhân có liên quan để giải quyết kịp thời những vấn đề còn tồn đọng. CBQL, GV, NV trong trường nêu cao tinh thần trách nhiệm, giám sát, kiểm tra mọi hoạt động của nhà trường; tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn, hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động được tổ chức hằng năm, phát hiện và phản ánh kịp thời những bất cập, sai sót hoặc biểu hiện thiếu dân chủ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên giáo viên chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu đầy đủ các nội dung trong quy chế, kế hoạch, một số giáo viên chưa mạnh dạn. Hiệu trưởng nhà trường tự kiểm tra đối với các bộ phận như tổ chuyên môn, kế toán, y tế học đường... nhằm đánh giá việc thực hiện nội quy, quy chế, chế độ chính sách, quy trình xử lý công việc; công khai báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại các cuộc họp hội đồng sư phạm, hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định, bảo đảm sự công khai, minh bạch, tạo niềm tin cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên [H9-1.9-04]; [H9-1.9-03]; [H7-1.7-05]; [H3-1.3-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường triển khai và thực hiện tốt quy chế dân chủ: Tổ chức các cuộc họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến của CBQL, GV, NV trong xây dựng kế hoạch, quy chế của nhà trường đảm bảo tính thực tiễn, sát với nhu cầu và điều kiện thực tế tại đơn vị. Việc xây dựng văn bản dựa trên ý kiến tập thể giúp các quy định mang tính khả thi cao, dễ áp dụng vào thực tiễn, đồng thời nhận được sự đồng thuận, ủng hộ cao từ toàn thể đội ngũ.

Nhà trường đã có nhiều đổi mới trong việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị chuyên đề để tạo môi trường đối thoại cởi mở, dân chủ; khuyến khích tinh thần phản biện tích cực trong nội bộ bằng việc công khai dự thảo các văn bản, kế hoạch trước khi ban hành, tạo điều kiện để mọi cá nhân được nghiên cứu, thảo luận và đưa ra đề xuất điều chỉnh nếu cần thiết.

3. Điểm yếu

Giáo viên, nhân viên trong nhà trường đôi lúc chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Phát huy tính tích cực chủ động của giáo viên trong việc tham gia ý kiến về kế hoạch, báo cáo, các quy chế hoạt động của nhà trường.	CBQL, GV, NV.	- Hiệu trưởng tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường theo đúng Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT. - Xác định rõ nguyên nhân dẫn tới việc cán bộ, nhà giáo, người lao động ít tham gia ý kiến đóng góp để có giải pháp phù hợp: Trong đó đặc biệt quan tâm tới việc nâng cao trình độ, sự hiểu biết của cán bộ, nhà giáo, người lao động; tiếp thu, giải đáp các ý kiến của cán bộ, nhà giáo, người lao động thỏa đáng, tạo sự tin tưởng.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng và triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự; bảo vệ thường xuyên trực tại cổng trường trong giờ học và ngoài giờ để kiểm soát người ra vào, đặc biệt là thời điểm đón, trả trẻ; nhà trường lắp đặt hệ thống camera an ninh tại các vị trí trọng yếu như cổng trường, sân chơi, hành lang lớp học nhằm giám sát hoạt động trong ngày và phòng ngừa các tình huống mất an ninh trật tự [H10-1.10-01]. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất như: bàn ghế, đồ chơi, sàn nhà, hệ thống điện nước,... để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời được bảo dưỡng định kỳ. Giáo viên được tập huấn kỹ năng sơ cứu, xử lý tình huống khi trẻ bị thương tích nhẹ như té ngã, trầy xước,... [1.10-02]. Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy như: bình chữa cháy, hệ thống báo cháy, nội quy phòng cháy chữa cháy dán tại các khu vực dễ quan sát. Phối hợp với Công an huyện tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy, hướng dẫn thoát hiểm cho giáo viên, học sinh nhằm nâng cao kỹ năng xử lý khi có sự cố xảy ra [H10-1.10-03]. Nhà trường xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai phù hợp với điều kiện địa phương. Các phòng học được gia cố chắc chắn, có phương án di chuyển trẻ đến nơi an toàn khi có cảnh báo thời tiết. Thường xuyên cập nhật thông tin thời tiết từ cơ quan chức năng để chủ động ứng phó kịp thời. Trong các đợt dịch bệnh (đặc biệt như dịch COVID-19, tay chân miệng, sốt xuất huyết...), nhà trường triển khai đồng bộ các biện pháp như: phun khử khuẩn định kỳ, đo thân nhiệt hàng ngày, rửa tay bằng xà phòng sát khuẩn, vệ sinh lớp học và đồ dùng cá nhân của trẻ hàng ngày. Phối hợp chặt chẽ với Trạm Y tế thị trấn trong công tác tuyên truyền, giám sát sức khỏe học sinh, giáo viên. Thực hiện nghiêm túc khai báo y tế [1.10.04]. Nhà trường có 01 bếp ăn bán trú phục vụ công tác bán trú cho trẻ, được vận hành theo quy trình bếp ăn một chiều đảm bảo vệ sinh; thực phẩm được cung cấp hàng ngày bởi Siêu thị Family tại huyện đảo, đảm bảo nguồn gốc rõ ràng, có hợp đồng cung ứng thực phẩm được ký kết minh bạch; Công ty sữa TNHH Mega Milky cung cấp sữa học đường cho trẻ; nhà trường ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm với Phòng Y tế huyện và Trạm Y tế thị trấn Cô Tô; nhân viên cấp dưỡng được tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm định kỳ hàng năm và

khám sức khỏe định kỳ theo quy định; mẫu lưu thực phẩm được lưu giữ 24 giờ theo quy định để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát [H10-1.10-05]; [H10-1.10-06].

b) Nhà trường mở hòm thư góp ý và công khai số điện thoại đường dây nóng (số điện thoại của nhà trường và 2 lãnh đạo nhà trường) tại cổng trường, để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thị trấn Cô Tô đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; hợp đồng 01 bảo vệ để thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong nhà trường [H10-1.10-07]; [H10-1.10-08]; [H10-1.10-01].

c) Trong các năm học tính đến thời điểm tự đánh giá CBQL, GV, NV nhà trường luôn đoàn kết, thân thiện, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo quy định Luật số 73/2006/QH11 ngày 29/06/2006 Luật Bình đẳng giới [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Định kỳ trong các cuộc họp hàng tháng, các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi tập huấn nhà trường phổ biến, hướng dẫn, quán triệt CBQL, GV, NV các phương án đảm bảo an toàn an toàn, an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Mặc dù đã được quan tâm triển khai nhưng các nội dung tập huấn phòng cháy chữa cháy chưa được thực hiện định kỳ hàng năm; 93% đội ngũ CBQL, GV, NV đều là nữ nên việc xử lý tình huống, sử dụng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy còn hạn chế. Nhà trường hướng dẫn giáo viên tích hợp các nội dung giáo dục đảm bảo an toàn an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, an toàn phòng chống thảm họa thiên tai trong các hoạt động giáo dục trẻ hằng ngày. Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo an toàn tuy nhiên đội ngũ giáo viên còn chưa có kiến thức, kỹ năng sử dụng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy [H7-1.7-03].

b) Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhóm, lớp [H10-1.10- 09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với Công an thị trấn Cô Tô, Trạm y tế thị trấn Cô Tô để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Thực hiện tốt kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. An ninh trật tự trong nhà trường được giữ vững. Trong các năm học không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm, mất an ninh trật tự trong nhà trường. Nhà trường có hòm thư góp ý và định kỳ mở hòm thư góp ý để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm an ninh trật tự, tai nạn thương tích, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường.

Nhà trường tổ chức kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong những năm gần đây nhà trường không đề xảy ra bạo lực học đường, mất an toàn trường học và không có phản ánh liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự.

3. Điểm yếu

Việc lồng ghép nội dung dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ trong các hoạt động giáo dục trẻ về an ninh trật tự, an toàn trường học của giáo viên chưa phong phú. Các nội dung tập huấn phòng cháy, chữa cháy chưa được thực hiện định kỳ Hàng năm. 93% đội ngũ CBQL, GV, NV đều là nữ nên việc xử lý tình huống, sử dụng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Lựa chọn nội dung lồng ghép dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ trong các hoạt động giáo dục trẻ về an ninh trật tự, an toàn trường học đưa vào kế hoạch giáo dục hàng ngày phù hợp với nhận thức của trẻ, điều kiện của lớp. - Phối hợp công an phòng cháy chữa cháy tập huấn phòng cháy chữa cháy, tai nạn thương tích. - Tiếp tục phối hợp với công an thị trấn, trạm Y tế thị trấn Cô Tô về nội dung liên quan.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên các nhóm lớp.	- Bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên về việc lựa chọn nội dung lồng ghép dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ trong các hoạt động giáo dục trẻ về an ninh trật tự, an toàn trường học đưa vào kế hoạch giáo dục hàng ngày phù hợp với nhận thức của trẻ, điều kiện của lớp - Tìm hiểu, nghiên cứu văn bản hướng dẫn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức thao giảng	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh cơ bản:

Trường Mầm non Cô Tô có tổ chức bộ máy và quản lý nhà trường theo đúng quy định. Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non. Kế hoạch được Phòng GDĐT huyện Cô Tô phê duyệt và được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin và Website của nhà trường.

Nhà trường có Hội đồng trường, Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi đoàn, được thành lập có cơ cấu tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, các hoạt động của Chi bộ Đảng, Hội đồng trường, Công đoàn, Chi đoàn thanh niên có đóng góp hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường và các hoạt động của cộng đồng. Chi bộ Đảng trường Mầm non Cô Tô 05 năm liên đều được đánh giá Chi bộ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng, có cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ của các tổ đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Nhà trường quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định, đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ cho hoạt động giáo dục. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường thực hiện Chương trình GDMN do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được Phòng GDĐT đánh giá đạt hiệu quả.

Nhà trường luôn coi trọng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong các năm gần đây, nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, các kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, có lịch tiếp công dân, hộp thư góp ý, đường dây nóng tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của cha mẹ trẻ. Trong các năm học gần đây nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường. Đội ngũ của nhà trường được bồi dưỡng đầy đủ, thường xuyên các kiến thức về an ninh trật tự, an toàn trường học.

Những điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa nhận được các ý kiến đóng góp, tư vấn, bổ sung cho phương hướng chiến lược của nhà trường từ các tổ chức chính trị xã hội, các ngành trên địa bàn huyện.

Công tác xã hội hóa của nhà trường còn hạn chế đa số phụ huynh làm ngư nghiệp và buôn bán nhỏ, kinh tế của phụ huynh còn gặp nhiều khó khăn... nên nguồn tài trợ kinh phí thấp.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4 tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Mở đầu

Trường Mầm non Cô Tô, thị trấn Cô Tô là trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được biên chế đầy đủ. Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng nhiều năm công tác có kinh nghiệm và năng lực quản lý vững vàng, dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động của nhà trường. Nhà trường có đủ giáo viên theo quy định, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn tăng theo lộ trình. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có trình độ đào tạo và trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề mến trẻ, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi công việc được giao, được đào tạo đạt chuẩn trở lên, được phân công giảng dạy phù hợp với năng lực sở trường, thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch giáo dục. Hàng năm 100% giáo viên trong nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ khá trở lên. Nhân viên nhà trường đã qua đào tạo, đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn tích cực tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên ;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Cô Tô có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng, 03 đồng chí đều có thời gian công tác theo quy định, có năng lực quản lý tốt để triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường, cụ thể như sau:

Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hương có 23 năm công tác liên tục trong ngành Giáo dục mầm non, trong đó có 19 năm làm công tác quản lý; có trình độ Đại học Sư phạm chuyên ngành Giáo dục mầm non; có chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non, quản lý giáo dục và bằng Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính, bằng trung cấp tin học.

Phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thùy có thời gian công tác liên tục trong ngành Giáo dục 23 năm trong đó 14 năm làm công tác quản lý, có trình độ Đại học Sư phạm chuyên ngành Giáo dục mầm non; có chứng chỉ quản lý giáo dục, trung cấp tin học và bằng Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính.

Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Mai có thời gian công tác liên tục trong ngành Giáo dục 20 năm trong đó 06 năm làm công tác quản lý chuyên môn tại Phòng GDĐT và 04 năm làm công tác quản lý tại nhà trường, có trình độ Đại học Sư phạm chuyên ngành Giáo dục mầm non; có chứng chỉ quản lý giáo dục, trung cấp tin học và bằng Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính.

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống giản dị, lành mạnh, luôn hoà nhã với đồng nghiệp và mọi người xung quanh, có tinh thần xây dựng tập thể đoàn kết thống nhất, luôn được đội ngũ trong trường và nhân dân tín nhiệm, có năng lực quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non [1.7-02].

b) Năm học 2021 - 2022; năm học 2023 - 2024 các đồng chí Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng luôn được đội ngũ CBQL, GV, NV và lãnh đạo Phòng GDĐT huyện đánh giá, xếp loại khá theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường mầm non [H11- 2.1. 01]

STT	Họ và tên	Chức vụ	Xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng		Chu kỳ đánh giá theo năm
			Năm học 2021-2022	Năm học 2023-2024	
1	Nguyễn Thị Hương	Hiệu trưởng	Khá	Khá	Cấp trên đánh giá
2	Phạm Thanh Thùy	Phó hiệu trưởng	Khá	Khá	Cấp trên đánh giá
3	Nguyễn Thị Mai	Phó hiệu trưởng	Khá	Khá	Cấp trên đánh giá

c) Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được học tập, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn và nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã có chứng chỉ quản lý giáo dục [H11-2.1.03]; [H11-2.1.04]; [H11-2.1.06].

Mức 2:

a) Năm học 2021- 2022; 2023 - 2024, Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hương được Phòng GDĐT huyện Cô Tô đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp mức khá. Phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thùy và Nguyễn Thị Mai từ năm học 2021 - 2022; 2023-2024 đánh giá xếp loại khá [H11-2.1.01].

b) Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng hàng năm được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định qua các đợt bồi dưỡng hè, học tập các Chỉ thị; Nghị quyết các cấp; Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm [H11-2.1-05]; [H11-2.1-06].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm tự đánh giá, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường luôn được Phòng GDĐT huyện Cô Tô đánh giá xếp loại đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá [H11-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu đủ về số lượng, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng của trường đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có đủ sức khỏe đảm bảo công tác. Có phẩm chất chính trị vững vàng, lối sống giản dị, trung thực. Tích cực bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý. Có kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý trường học, luôn năng động, sáng tạo và điều hành công việc nhà trường đạt hiệu quả cao, để thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ theo quy định, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục. Đã có giấy chứng nhận qua lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý, được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường luôn được đội ngũ giáo viên, nhân viên trong nhà trường cũng như nhân dân tín nhiệm, có năng lực quản lý và triển khai tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Việc bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên của cán bộ quản lý chuyên môn còn hạn chế.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Cô Tô đánh giá chỉ dừng lại ở mức khá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng kinh nghiệm, năng lực quản lý, sử dụng để nâng cao trình độ có khả năng bồi dưỡng cho giáo viên CNTT đạt kết quả tốt	Lãnh đạo nhà trường	Tự bồi dưỡng để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, tự học qua mạng internet, qua tài liệu.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên của trường trong năm học 2024 - 2025 như sau:

Tổng số giáo viên: 23

Tổng số nhóm, lớp: 10

Tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp: 2,3 GV/lớp

Nhà trường có đủ số lượng đội ngũ giáo viên; căn cứ trình độ, năng lực của giáo viên, nhà trường phân công giáo viên đứng lớp ổn định, hợp lý đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định căn cứ số trẻ/nhóm, lớp nhà trường phân công giáo viên/nhóm, lớp đảm theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non [1.7-02]; [H7-1.7-04], cụ thể như sau:

Biểu số liệu giáo viên trong nhà trường (05 năm)

STT	Năm học	Tổng số nhóm, lớp	Tổng số giáo viên	Tỷ lệ giáo viên/lớp (%)
1	2020-2021	10	20	2
2	2021-2022	10	21	2,1
3	2022-2023	10	22	2,2
4	2023-2024	10	22	2,2
5	2024-2025	10	23	2,3

b) Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025, 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên; đến năm 2024 - 2025 nhà trường có 22/23 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt 96% [H12-2.2-01].

Biểu tổng hợp trình độ đào tạo của giáo viên trong nhà trường (5 năm)

STT	Năm học	Tổng số giáo viên	Trình độ đào tạo giáo viên							
			ĐHSP mầm non		CDSP mầm non		TCSP mầm non		Trình độ khác	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2020-2021	20	17	85	01	5	02	10	0	0
2	2021-2022	21	14	66	05	24	02	10	0	0
3	2022-2023	22	16	73	6	27	0	0	0	0
4	2023-2024	22	21	95	01	5	0	0	0	0
5	2024-2025	23	22	96	01	4	0	0	0	0

c) Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, Hiệu trưởng đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, hàng năm có 100% giáo viên đều được đánh giá xếp loại khá trở lên **[H12- 2.2-02]; [H1- 1.1-06]**.

Mức 2:

a) Năm học 2021 - 2022; 2023 - 2024 Hiệu trưởng nhà trường đã thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non kết quả cụ thể như sau **[H12-2.2-02]**.

Biểu tổng hợp đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên (5 năm)

Năm học	Tổng số GV đánh giá	Kết quả xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV								Tỷ lệ Khá trở lên (%)	Chu kỳ đánh giá theo năm
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
2020-2021	20	11	55	9	45	0	0	0	0	100	Tự đánh giá
2021-2022	21	9	43	12	57	0	0	0	0	100	Đánh giá
2022-2023	22	8	36	14	64	0	0	0	0	100	Tự đánh giá
2023-2024	22	6	27	16	73	0	0	0	0	100	Đánh giá
2024-2025	23	12	52	11	48	0	0	0	0	100	Tự đánh giá

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% giáo viên luôn chấp hành tốt nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị và hoàn thành tốt nhiệm vụ được

giao. Không có giáo viên vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-06]; [H12-2.2-03].

Mức 3:

Năm 2020 - 2021 có 20 giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 55% xếp loại tốt; 45% xếp loại khá; Năm 2021 - 2022 có 21 giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 43% xếp loại tốt; 57% xếp loại khá; Năm 2022 - 2023 có 22 giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 36% xếp loại tốt; 64% xếp loại khá; Năm 2023 - 2024 có 22 giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 27% xếp loại tốt; 73% xếp loại khá; Năm 2024 - 2025 có 23 giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 52% xếp loại tốt; 48% xếp loại khá [H12-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đa số giáo viên trong trường đều có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết, nắm chắc, nắm vững chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và vận dụng kỹ năng sư phạm khá linh hoạt, sáng tạo; Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo được duy trì và tăng dần, 96% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn; có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên chưa thành thạo ứng dụng CNTT vào giảng dạy.

Số giáo viên đạt chuẩn ở mức Tốt còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin; Trình độ chuyên môn	CBQL, GV, NV.	- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin vào chăm sóc giáo dục trẻ. - Tham gia các lớp bồi dưỡng thường xuyên. - Tự học qua phương tiện mạng xã hội, qua đồng nghiệp. - Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, học hỏi đồng nghiệp để nâng cao tay nghề.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	10 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp;*
- c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2023/TTLT-BGDĐT ngày 30/10/2023 Bộ GDĐT Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Có 01 nhân viên kế toán có trình độ Đại học kế toán kiêm văn thư hành chính, 01 nhân viên y tế học đường có bằng Trung cấp y sĩ đa khoa kiêm thủ quỹ do UBND huyện Cô Tô tuyển dụng; 04 nhân viên hợp đồng theo thỏa thuận trong đó: 03 nhân viên Cấp dưỡng có chứng chỉ nấu ăn, hàng năm được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, 01 nhân viên Bảo vệ kiêm lao công **[1.7-02]; [H13-2.3-01]; [H7-1.7-04];**

b) Đội ngũ nhân viên được Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng phù hợp theo năng lực của từng đồng chí: Nhân viên kế toán tham mưu với hiệu trưởng về công tác quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường; lập dự toán, thanh quyết toán thu chi; báo cáo tài chính theo quy định; kiêm nhiệm công tác văn thư của nhà trường (quản lý văn bản đi - đến của nhà trường); nhân viên y tế phụ trách công tác y tế học đường tham mưu với Hiệu trưởng về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ trong trường, các vấn đề về

vệ sinh an toàn thực phẩm và quản lý thu - chi quỹ tiền mặt của nhà trường theo quy định [H7-1.7-04].

c) Đội ngũ nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn và chấp hành tốt nội quy nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hàng năm đánh giá xếp loại viên chức các đồng chí nhân viên trong nhà trường luôn hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H12-2.2-03]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổng số 02 nhân viên, trong đó 01 Nhân viên kế toán kiêm văn thư có bằng Đại học kế toán và 01 nhân viên y tế có bằng Trung cấp Y sỹ đa khoa kiêm thủ quỹ; 100% nhân viên nhà trường thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công [1.7-02]; [H7-1.7-04]; [H12-2.2-03].

b) Nhân viên nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong trường học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Hàng năm đánh giá xếp loại viên chức luôn hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. [H12- 2.2- 03]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có trình độ Đại học kế toán; nhân viên y tế có bằng Trung cấp y sỹ đa khoa; nhân viên cấp dưỡng có chứng chỉ nấu ăn, hàng năm được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm [H7-1.7-05]; [H12-2.2-03].

b) Hàng năm nhân viên kế toán, nhân viên y tế được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng chính trị, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm [H12-2.2-01]; [H13-2.3-02]; [H13-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định, nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ đáp ứng được vị trí việc làm, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư hành chính do mới được tuyển dụng lên còn hạn chế, chưa mạnh dạn đưa ra các giải pháp sáng tạo trong công việc.

Nhân viên bảo vệ chưa có nhiều lớp tập huấn cho công tác bảo vệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiêm nhiệm Có kế hoạch bồi dưỡng cho nhân viên bảo vệ	Nhân viên y tế, kế toán. Nhân viên bảo vệ	Động viên nhân viên Y tế, kế toán tích cực tự học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp với đơn vị có chuyên môn, nghiệp vụ mở các lớp tập huấn cho nhân viên bảo vệ	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

* Kết luận về tiêu chuẩn 2

Những điểm mạnh cơ bản: Tập thể trường Mầm non Cô Tô là một khối đoàn kết vững chắc. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ Trường mầm non, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; có phẩm chất đạo đức tốt; được cấp trên, giáo viên, nhân viên và phụ huynh tin yêu, tín nhiệm; giáo viên, nhân viên trong nhà trường có tinh thần lao động miệt mài, sáng tạo, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao tay nghề, tu dưỡng đạo đức tác phong, thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 96% đạt trình độ trên chuẩn. Tỷ lệ giáo viên xếp loại Chuẩn nghề nghiệp đảm bảo theo yêu cầu từ khá, tốt, không có giáo viên xếp loại đạt, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Những điểm yếu cơ bản: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Cô Tô đánh giá chỉ dừng lại ở mức khá.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 3/3 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 3/3 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 1/3 tỷ lệ 33,3%.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Mầm non Cô Tô nằm trên địa bàn thị trấn Cô Tô, được thành lập từ năm 1997. Nằm ở vị trí trung tâm của thị trấn nên rất thuận tiện về giao thông,

địa thế bằng phẳng, đường rộng thông thoáng, thoát nước tốt, đảm bảo các quy định về an toàn an ninh trật tự và vệ sinh môi trường.

Trường có đủ diện tích đất sử dụng theo quy định (bình quân $10,6m^2$ / trẻ), các công trình lớp học, phòng chức năng, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà để xe đều được xây dựng kiên cố. Trường có đầy đủ về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi như: Khuôn viên, sân chơi, bãi tập; khu nhà vệ sinh, bếp ăn, nhà để xe; hệ thống nước sạch; các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất và âm nhạc; đồ dùng, đồ chơi và các trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học như máy tính, máy in,...Nhà trường có kế hoạch đánh giá việc sử dụng CSVC hợp lý, đảm bảo đúng mục đích. Thường xuyên kiểm tra và bổ sung kịp thời trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi hiện đại, có tính sư phạm, tính thẩm mỹ, đảm bảo an toàn cho các lớp và các phòng ban theo đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Cô Tô được đặt tại khu 3, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô; nhà trường đảm bảo các quy định về địa điểm, vị trí đặt trường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT; có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em, đáp ứng yêu cầu phòng chống cháy nổ; môi trường xung quanh đảm bảo an toàn cho trẻ em và CBQL, GV, NV [H14-3.1-01]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03]; [H14-3.1-04].

b) Trường hiện có 10 nhóm, lớp với tổng số trẻ là 246 trẻ, đảm bảo đúng quy mô theo kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT. Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020. Số lượng trẻ trên lớp bình quân 24,6 trẻ/nhóm, lớp, phù hợp với quy định tại Điều lệ Trường mầm non. Quy mô trường, lớp được điều chỉnh hàng năm để đáp ứng nhu cầu phát triển dân số và đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục cho tất cả trẻ trong khu vực. Quy mô trường,

lớp được điều chỉnh hàng năm để đáp ứng nhu cầu phát triển dân số và đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục cho tất cả trẻ trong khu vực [H5-1.5-03].

c) Trường Mầm non Cô Tô có tổng diện tích là: 2.630m²; diện tích sử dụng bình quân cho một trẻ là 10,6m² [H14-3.1-01]; [H14-3.1-05].

Tổng diện tích sàn xây dựng là 1.890 m², bao gồm các hạng mục công trình như: Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, khối phòng tổ chức ăn và khối phụ trợ.

Khối phòng hành chính quản trị có diện tích sàn xây dựng là 172m², đạt trung bình 28,7m²/ phòng; bao gồm 06 phòng, cụ thể: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, văn phòng trường, phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV, khu để xe; 100% các phòng đảm bảo quy định hiện hành.

Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bao gồm: Khu sinh hoạt chung hiện có có tổng diện tích 469m² đảm bảo 1.9m²/trẻ, đạt mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT; khu sinh hoạt chung được sử dụng làm khu ngủ của trẻ; khu vệ sinh của trẻ có tổng diện tích 99m², đảm bảo 0,4m²/trẻ, đạt mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT; Hiên chơi, đón trẻ em có tổng diện tích từ 130m², đảm bảo 0,52 m²/trẻ, đạt mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; Kho nhóm, lớp có diện tích từ 6m² đến 10m²/kho đạt mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

Nhà trường có 01 phòng giáo dục âm nhạc với tổng diện tích 70m²/phòng, đảm bảo 2,0m²/trẻ; khu phát triển vận động của nhà trường có diện tích 205m², có mái che bằng tôn, đảm bảo việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ.

Sân chơi riêng với diện tích 740m² đảm bảo 1m²/trẻ em nhà trẻ; 2m²/trẻ em mẫu giáo, đảm bảo mức độ 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

Nhà trường có nhà bếp với diện tích 80m²/trẻ đảm bảo 0,32/trẻ em, có 01 kho với diện tích 10m²/kho.

Khối phụ trợ nhà trường có 01 phòng họp với diện tích 70m² đảm bảo 2,3 m²/ người, 01 phòng y tế với diện tích 20m²/phòng, 02 nhà kho với diện tích 40 m²/ kho.

Vị trí, quy mô và diện tích khu đất, các hạng mục công trình của trường đã đáp ứng các quy định hiện hành về cơ sở vật chất trường mầm non [H14-3.1-01]; [H14-3.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất xây dựng và diện tích sân vườn theo quy định

tại điểm b, khoản 2, Điều 5, Nghị định 46/2017/NĐ-CP và Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT; nhà trường có cổng trường, tường rào ngăn cách với bên ngoài; sân chơi rộng, an toàn, 100% các nhóm, lớp đều có sân chơi, hiên chơi ngoài trời; sân chơi có từ 5 loại thiết bị đồ chơi ngoài trời trở lên, các đồ chơi ngoài trời thường xuyên được kiểm tra, sơn sửa, đảm bảo an toàn cho trẻ vị trí, quy mô trường, lớp và diện tích khu đất, diện tích sàn các hạng mục công trình của trường đã đáp ứng các quy định hiện hành của Bộ GDĐT về cơ sở vật chất trường mầm non.

3. Điểm yếu

Khu vực vui chơi của nhà trường có diện tích khuôn viên hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thiết kế, xây dựng khu vui chơi ngoài trời đồng bộ, thẩm mỹ	Bộ phận thiết kế của nhà đầu tư	- Đề xuất tham mưu với các cấp lãnh đạo quan tâm đầu tư, xây dựng hệ thống sân, vườn, các khu vực hoạt động ngoài trời đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ và hiệu quả; - Sửa chữa, cải tạo sân vườn. Hợp bàn, thảo luận, công khai nhiệm vụ, dự kiến kinh phí cần xây dựng.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	- Kinh phí cấp trên - Kinh phí từ nguồn ngân sách tự chủ và không tự chủ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình

Mức 1:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), Khối phụ trợ.

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;*
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.*

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; 01 phòng dành cho nhân viên với tủ để đồ dùng cá nhân; Có 01 phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; có 01 khu vệ sinh dành cho cán bộ giáo viên, nhân viên được chia phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; có khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường [1.4-07]; [H14-3.1-06]; [H14-3.1-02].

b) Nhà trường có 10 phòng học kiên cố, bao gồm các phân khu chức năng: Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi, ăn và nơi ngủ; có 06 lớp có khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; 04 phòng vệ sinh riêng biệt được kết nối với khối phòng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ qua hành lang giao thông, thuận tiện cho trẻ sử dụng và dễ quan sát; các phòng vệ sinh có xí bệt dùng cho trẻ em gái, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng, có chậu rửa tay, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; các phòng học được bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Hiên chơi trước đón trẻ em, thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi có lan can, tường với chiều cao 1,2 m; có 02 kho nhóm, lớp để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập.

Nhà trường có hệ thống đèn, hệ thống quạt được trang bị ở các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát phục vụ cho việc chăm sóc giáo dục trẻ. Hệ thống điện, công tắc được đặt cao trên tầm với của trẻ, đảm bảo an toàn cho cô và trẻ sử dụng, dễ dàng thay thế, sửa chữa khi cần thiết.

Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật với **diện tích 70m²**, có giống và gương múa, các đồ dùng, dụng cụ, đạo cụ giúp trẻ tham gia các hoạt động phát triển nghệ thuật; nhà trường có 01 khu phát triển vận động với diện tích là **205m²**, khu phát triển vận động có các đồ chơi vận động như thang leo thể dục, bộ cảm giác, xúc giác, bộ đồi núi, dòng sông, bộ đá sỏi... Các phòng được liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường có sân chơi riêng được bố trí có lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GDĐT **[H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [1.5-02]; [H14-3.1-02]; [H15-3.2-03]**.

c) Nhà trường có bếp bố trí độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều; có 01 kho bếp để chứa lương thực, thực phẩm; có 01 tủ lạnh để bảo quản thực phẩm.

Trường có 01 phòng họp với diện tích 70m², được sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành. Trường có 01 phòng y tế có diện tích 25m², phòng y tế ở tầng 1, thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. 02 nhà kho có diện tích 40 m², bình quân 20m²/phòng, để dụng cụ chung và học phẩm của trường. Sân vườn trong trường gồm sân chơi chung và vườn cây, cỏ nhân tạo được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em khám phá, trải nghiệm; sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh, mái tôn che tạo bóng mát sân trường. Khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào gạch và hoa sắt, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường được xây dựng kiên cố, có biển tên trường **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-06]; [H1-1.1-06]**

Mức 2:

a) Trường có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, với diện tích là 25m²/ phòng; có bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp khách và các thiết bị máy móc để phục vụ cho công tác quản lý của nhà trường; các phòng dành cho nhân viên, văn phòng trường có đầy đủ các thiết bị văn phòng và đảm bảo diện tích theo quy định; phòng bảo vệ được bố trí ở cổng trường, thuận lợi cho việc quan sát, theo dõi, đảm bảo an toàn cho nhà trường; cổng trường, tường rào được xây dựng kiên cố, vững chắc, an toàn **[1.4-07]; [H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]**.

b) Nhà trường có 10 phòng học/10 nhóm, lớp; các phòng học có diện tích trung bình khoảng 70m², đạt 2,8m²/ trẻ; Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi, ăn và nơi ngủ; 100% các lớp có phòng kho để đựng đồ dùng của nhóm, lớp. Các phòng học có hệ thống đèn, hệ thống quạt đảm bảo đủ ánh sáng,

thoáng mát phục vụ cho việc chăm sóc giáo dục trẻ. Hệ thống điện, công tắc được đặt cao trên tầm với của trẻ, đảm bảo an toàn cho cô và trẻ sử dụng, dễ dàng thay thế, sửa chữa khi cần thiết.

Nhà trường có 01 phòng nghệ thuật, có 01 khu vận động được bố trí ở vị trí liền kề với phòng học, với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phát triển thể chất... Nhà trường bố trí 01 góc viện ở gần cầu thang và 01 góc thư viện tại sân chơi ngoài trời, có đầy đủ sách, truyện, rối, tranh... để trẻ làm quen với sách truyện [H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [1.5-02]; [H14-3.1-02]; [H15-3.2-03].

c) Nhà trường có bếp bố trí độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều; có 01 kho bếp để chứa lương thực, thực phẩm; có 01 tủ lạnh để bảo quản thực phẩm.

Trường có 01 phòng họp được sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; Có 01 phòng y tế tại vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. Sân vườn trong trường gồm sân chơi chung và vườn cây, cỏ nhân tạo được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Có sân vườn dành riêng cho trẻ em khám phá, trải nghiệm. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh, mái tôn che tạo bóng mát sân trường. Khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ là tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc có gắn cổng và biển tên trường [H14-3.1-02]; [H14-3.1-06]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường có 10 phòng học kiên cố, bao gồm các phân khu chức năng: Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi, ăn và nơi ngủ; có 06 lớp có khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, 04 phòng vệ sinh được bố trí cạnh lớp. các phòng vệ sinh có xí bệt dùng cho trẻ em gái, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng, có chậu rửa tay, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; các phòng học được bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; hiên chơi trước đón trẻ em: thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi có lan can, tường với chiều cao 1,2 m; có 02 kho nhóm, lớp để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập.

Nhà trường có hệ thống đèn, hệ thống quạt được trang bị ở các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát phục vụ cho việc chăm sóc giáo dục trẻ. Hệ thống điện, công tắc được đặt cao trên tầm với của trẻ, đảm bảo an toàn cho cô và trẻ sử dụng, dễ dàng thay thế, sửa chữa khi cần thiết.

Nhà trường có 01 phòng nghệ thuật, 01 khu phát triển vận động... Các phòng được liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường có sân chơi riêng được bố trí có lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định

tại thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GDĐT [H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [1.5-02]; [H14-3.1-02]; [H15-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Các hạng mục công trình: Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ đảm bảo tiêu chuẩn quy định mức 1, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em đảm bảo tiêu chuẩn quy định mức 1 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GDĐT.

3. Điểm yếu

04 lớp học do xây dựng từ lâu nên hệ thống phòng vệ sinh của trẻ tách rời với phòng học, các thiết bị vệ sinh tại các lớp đã cũ hỏng, chưa được thay thế kịp thời.

Trường chưa có phòng cho trẻ làm quen với tin học ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
Huy động các nguồn lực tài chính sửa sang phòng học. Đề nghị cấp trên nâng cấp CSVC, các phòng học đảm bảo khối phòng học theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất cấp độ 2	Hiệu trưởng	Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để huy động các nguồn lực phát triển cơ sở vật chất nhà trường. Tham mưu với UBND thị trấn; UBND huyện nâng cấp CSVC, các phòng học đảm bảo khối phòng học theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất cấp độ 2 đối với trường mầm non theo quy định.	Giai đoạn 2025-2030	80 triệu đồng	Từ nguồn sửa chữa nhỏ Nguồn ngân sách

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học

Mức 1:

Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;*
- b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;*
- c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.”*

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có hệ thống cấp nước sạch được kết nối từ mạng lưới cấp nước của Ban dịch vụ công ích huyện Cô Tô, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng cho các hoạt động của nhà trường. Nguồn nước được Ban dịch vụ kiểm tra định kỳ và đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành. Hệ thống thoát nước, cống thu gom và rãnh có nắp đậy được thiết kế khoa học, bảo đảm vệ sinh. Nước thải sinh hoạt và xử lý vệ sinh được xử lý qua bể lắng trước khi thải ra môi trường, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

Trường được cấp điện ổn định từ lưới điện địa phương do chi nhánh điện lực huyện Cô Tô, điện lực Quảng Ninh cung cấp. Hệ thống điện được thiết kế an toàn, đủ công suất phục vụ các hoạt động dạy học, quản lý và các thiết bị chuyên môn.

Trường đã lắp đặt đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy (18 bình chữa cháy; 03 mũ chữa cháy; 03 quần áo chữa cháy; 03 gang tay; 03 giày, ủng; 03 mặt nạ lọc độc; 01 đèn pin; 01 xẻ beng; 01 búa tạ; 01 rìu cứu nạn; 01 kìm cộng lực; 01 tủ sơ cứu loại A) tại các khu vực cần thiết, tuân thủ các quy định hiện hành. Các bình chữa cháy được bố trí tại các khu vực hợp lý, để trong tủ bảo quản và có

tiêu lệnh đầy đủ. Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ.

Trường có 01 hệ thống mạng internet (VNPT) kết nối tốt, phục vụ hiệu quả cho các hoạt động quản lý, chuyên môn và học tập. Các phòng chức năng, phòng học đều có điểm kết nối internet. Một số khu vực đã được trang bị wifi để thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

Khu thu gom rác được bố trí ở vị trí cuối hướng gió, cách xa các khối phòng chức năng và khu vui chơi của trẻ, thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển rác thải hàng ngày. Rác thải sinh hoạt hằng ngày được nhân viên thu gom rác thải tại địa phương chuyển tới nơi xử lý rác chung của huyện **[1.4-07]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-05]; [H16-3.3-01]; [H16-3.3-02]; [H10-1.10-03]; [H16-3.3-04]; [H16-3.3-05]; [H16-3.3-06]; [H16-3.3-07]**.

b) 100% các hạng mục công trình của nhà trường xây dựng kiên cố đảm bảo theo quy quy định của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT, ngày 16/12/2024 của Bộ GDĐT được xây dựng trên diện tích đất rộng rãi ở trung tâm phường. Các công trình chính của trường như phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố với vật liệu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài và an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt **[H14-3.1-05]**.

c) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Tuy nhiên Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi mới đảm bảo số lượng ở mức tối thiểu, các thiết bị, đồ chơi thông minh được trang cấp từ lâu nên bị hư hỏng nhiều.

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định như: đồ chơi lego, đồ chơi theo ngành nghề, bảng tương tác, máy chiếu, màn chiếu... Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, thẩm mỹ, phù hợp với độ tuổi và an toàn cho trẻ khi sử dụng.

Nhà trường thực hiện rà soát, thống kê, kiểm kê thiết bị, đồ dùng, đồ chơi định kỳ, có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng **[H15-3.2-01]**.

Mức 2:

Nhà trường có mật độ sử dụng đất với: Diện tích xây dựng công trình: 27%; Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): 61%; Diện tích giao thông nội bộ: 12% **[H14-3.1-05]**.

Các công trình của trường như phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố 100% với vật liệu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu

sử dụng lâu dài và an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt [H14-3.1-05]; [1.4-07]; [H14-3.1-02]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Các công trình của trường như phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố 100% với vật liệu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài và an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Tuy nhiên các hạng mục công trình kiên cố chỉ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GDĐT [H14-3.1-05]; [1.4-07]; [H14-3.1-02]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải và thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu; tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 01; mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định tại Thông tư 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT.

3. Điểm yếu

Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi mới đảm bảo số lượng ở mức tối thiểu, chưa có số lượng nhiều đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ. Các thiết bị, đồ chơi tại các lớp; đồ chơi thông minh được trang cấp từ lâu nên bị hư hỏng nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
- Bảo quản thiết bị đồ chơi vận động ngoài trời, - Tham mưu các cấp mua sắm mới thay thế đồ chơi hết khấu hao, mất an toàn cho trẻ	- Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	- Lãnh đạo nhà trường - Hiệu trưởng	- Thành lập ban kiểm kê CSVC đánh giá tình trạng thiết bị, xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo quản. - Làm văn bản tham mưu với các cấp để cấp phát	80 triệu	Nguồn ngân sách

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Những điểm mạnh cơ bản: Trường Mầm non Cô Tô hiện tại đã được xây dựng khang trang sạch đẹp và kiên cố. Trường có biển tên trường, tường rào bao quanh. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được nhà trường chú trọng, đầu tư và không ngừng tìm tòi, nâng cấp theo hướng hiện đại để phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đạt hiệu quả. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, có cây xanh và được cắt, có vườn cây, vườn hoa, vườn rau sạch. Sân chơi đảm bảo an toàn và có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định, có khu để xe dành riêng cho khách và cha mẹ trẻ.

Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn. Môi trường trang trí đẹp, có đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu theo quy định. Có hiên chơi đảm bảo an toàn cho trẻ. Các phòng chức năng diện tích đảm bảo, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ trang thiết bị phục vụ dạy và học. Bếp được xây dựng theo quy trình bếp ăn một chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày.

Nhà trường có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi theo danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Ban giám hiệu nhà trường tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc đầu tư, khai thác và sử dụng thiết bị, đồ dùng trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Cán bộ giáo viên tích cực tham gia vào phong trào tự làm đồ dùng dạy học sáng tạo và đưa vào ứng dụng thực tế đạt hiệu quả cao. Nhà trường đã thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm kê tài sản hàng năm và xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm phù hợp..

Những điểm yếu cơ bản: Các thiết bị, đồ chơi tại các lớp; đồ chơi thông minh được trang cấp từ lâu nên bị hư hỏng nhiều; nhà trường chưa có phòng ngoại ngữ, tin học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 3/3 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 đạt 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0/2 đạt 0%.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là ba môi trường của một quy trình giáo dục khép kín. Việc giáo dục sẽ kém kết quả nếu ba môi trường ấy thiếu sự đồng bộ và thống nhất trong mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. Để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ thì mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trở thành một yêu cầu cấp thiết và đòi hỏi có sự đầu tư quan tâm đúng mức, không thể làm theo hình thức và đại khái cho

xong. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu về việc chăm sóc, giáo dục đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện đang được toàn xã hội quan tâm.

Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, chủ động tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ trẻ, Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Cô Tô... nhằm thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Ngay từ đầu mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và các nhóm lớp được kiện toàn và nghiêm túc hoạt động theo đúng quy định đã đề ra; phối hợp với Lãnh đạo nhà trường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác giáo dục đến các bậc cha mẹ trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp, hỗ trợ nhà trường bổ sung thiết bị, cơ sở vật chất, động viên khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt thành tích cao trong thực hiện nhiệm vụ. Ban đại diện cha mẹ trẻ và nhà trường đã họp định kỳ để tiến hành xây dựng nghị quyết, chương trình hoạt động xuyên suốt trong từng năm học, điều này đã góp phần không nhỏ trong việc đưa ra được các biện pháp kịp thời nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ về mọi mặt.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện CMHS thành lập theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011. Tại buổi họp phụ huynh đầu năm các lớp bầu ra Ban đại diện CMHS của trường gồm có: 01 trưởng ban, 01 phó ban và 05 ủy viên; Ban đại diện cha mẹ trẻ nhà trường có nhiệm kỳ là một năm; Ban đại diện CMHS nhà trường phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ; vận động trẻ ra lớp; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; hướng dẫn về công tác tổ chức và các hoạt động cho Ban đại diện CMHS các nhóm, lớp [H17-4.1-01]; [H17-4.1-02].

b) Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ đã được quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ. Hàng năm, Ban đại diện CMHS xây dựng Kế hoạch hoạt động và báo cáo tổng kết hoạt động vào cuối mỗi năm học. Ban đại diện CMHS phối hợp cùng nhà trường xây dựng phong trào của từng lớp, của nhà trường góp phần giữ vững các tiêu chí của đơn vị trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng cấp độ 2, trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện [H17-4.1-03]; [H17-4.1-05].

c) Hàng năm, Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, đúng tiến độ đã xây dựng. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường tổ chức họp để triển khai, đánh giá các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ; tham gia tuyên truyền vận động trẻ ra lớp; tuyên truyền chế độ chính sách trẻ được hưởng đến các cha mẹ trẻ của nhóm, lớp; tham gia các ngày hội, ngày lễ như ngày khai giảng, tết trung thu, tết thiếu nhi; tham gia các hoạt động lao động cải tạo môi trường tại các điểm trường; Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra [H17-4.1-04]; [H17-4.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS: Tham gia quy trình tiếp nhận thức phẩm tại các bếp ăn bán trú của nhà trường 41 lần; tham gia tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp 03 lần/năm học; tuyên truyền chế độ chính sách của trẻ 03 lần/năm học; tham gia chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” 05 lần, Hội thi trong nhà trường, "Hội thi dinh dưỡng trẻ thơ" 01 lần; "Hội thi bé chung tay bảo vệ môi trường" 02 lần..., Phối hợp cùng nhà trường chăm sóc sức khỏe trẻ, ngày khai giảng, tết trung thu, xuân gắn kết- tết yêu thương; Hàng năm, từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 Ban đại diện cha mẹ trẻ trường hỗ trợ tổng số 95 ngày công lao động để cải tạo môi trường ngoài lớp học, 10 bộ trang phục biểu diễn, 32 tạp dề, hỗ trợ nguyên liệu địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; thông qua hoạt động đón trả trẻ hằng ngày, giáo viên, cha mẹ trao đổi về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại lớp, tại gia đình. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức như thông qua các buổi họp phụ huynh, trao đổi qua zalo hàng ngày [H17-4.1-04]; [H17-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều 4, 6 của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ, phối hợp với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân tặng quà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khuyết tật, bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường nhằm tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục. Phối hợp trong tổ chức các hội thi, chuyên đề, các hoạt động trải nghiệm như: Ngày hội đến trường của bé, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, hội thi dinh dưỡng trẻ thơ, hoạt động trải nghiệm “Chiến sĩ tí hon”; “Lễ hội mừng xuân”..., Ban đại diện cha mẹ trẻ đều tham dự để cùng đóng góp ý kiến xây dựng các nhiệm vụ, các hoạt động của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu thế phát triển của giáo dục mầm non [H17-4.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động có hiệu quả theo quy định, phối hợp có hiệu quả với Ban đại diện CMHS để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện như tham gia quy trình tiếp nhận thức phẩm tại các bếp ăn bán trú của nhà trường 41 lần; tham gia tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp 03 lần/năm học; tuyên truyền chế độ chính sách của trẻ 03 lần/năm học; tham gia chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” 05 lần, Hội thi trong nhà trường, "Hội thi dinh dưỡng trẻ thơ" 01 lần; "Hội thi bé chung tay bảo vệ môi trường" 02 lần..., hỗ trợ tổng số 95 ngày công lao động để cải tạo môi trường ngoài lớp học, 10 bộ trang phục biểu diễn, 32 tập dề. Giáo viên trong trường luôn giữ mối quan hệ mật thiết với phụ huynh học sinh.

3. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS lớp 2A; 4B năm học 2023 - 2024 điều hành các cuộc họp còn hạn chế trong việc triển khai, tuyên truyền, tổ chức các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung cần thực hiện	Bộ phận/người thực hiện	Giải pháp để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục tổ chức các hoạt động phối hợp giữa cha mẹ trẻ và nhà trường.	Hiệu trưởng, giáo viên.	- Tăng cường ứng dụng CNTT, mạng xã hội trong triển khai các hoạt động - Hướng dẫn hoạt động, góp ý cho Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch và hoạt động hội. - Hướng dẫn và định hướng hoạt động cho Ban đại diện CMHS. Đánh giá trách nhiệm, hiệu quả hoạt động các thành viên định kỳ, có giải pháp phù hợp.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	0 đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, tờ trình đề xuất, tham mưu với UBND thị trấn về thực hiện phương hướng chiến lược phát triển nhà trường; công tác huy động trẻ từ 24 - 72 tháng tuổi trên địa bàn ra lớp; thực hiện kế hoạch giáo dục; công tác xã hội hóa giáo dục để nâng cao chất lượng nhà trường. Trên cơ sở đó địa phương đã chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường với các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức ban ngành đoàn thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ của năm học, nâng cao chất lượng giáo dục [H18-4.2-01].

b) Nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về GDMN, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền bằng văn bản, tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; tuyên truyền qua loa phóng thanh của thị trấn và

các khu; qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em [H18-4.2-02]; [H1-1.1-06].

c) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài, các cá nhân, để góp phần huy động sức người, sức của ủng hộ ngày công để tạo cảnh quan môi trường. Đặc biệt nhà trường có sự ủng hộ, hỗ trợ từ hội cha mẹ học sinh của các lớp, của trường hỗ trợ trẻ các trang phục, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H18-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, cụ thể: Tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương đưa vào nghị quyết các chỉ tiêu về huy động trẻ mầm non ra lớp, chất lượng chăm sóc sức khỏe của trẻ, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; trong các cuộc họp giao ban nhà trường tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về các biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng giáo dục trẻ, công tác vệ sinh môi trường, tuy nhiên trong những năm qua thị trấn Cô Tô cũng chưa dành kinh phí để đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường [H18-4.2-01]; [H1-1.1-01].

b) Hàng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, hội cha mẹ nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Ngày hội đến trường của bé, Tết Trung thu, Tết Thiếu nhi, ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, tết cổ truyền... phù hợp với truyền thống của địa phương [H18-4.2-04]; [4.2-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Tích cực tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương, có hình ảnh tư liệu của nhà trường tổ chức các hoạt động, có sự tham gia của phụ huynh và các đoàn thể và cộng đồng [H4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phát triển nhà trường. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức phong phú, đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động giáo dục, lễ hội, sự kiện theo kế hoạch phù hợp với truyền thống của địa phương.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu với chính quyền địa phương về hỗ trợ kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường hạn chế do nguồn kinh phí chi hoạt động giáo dục của địa phương chưa có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục Hàng năm của nhà trường.	Lãnh đạo nhà trường	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	
- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác xã hội hóa giáo dục bằng nhiều hình thức trên nhiều đối tượng.	- Lãnh đạo nhà trường. Giáo viên	Tổ chức hội nghị; các bài tuyên truyền...	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh cơ bản: Ban đại diện CMHS nhà trường và các lớp được thành lập và tổ chức hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS hoạt động trên tinh thần đồng thuận cao, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác phối hợp với nhà trường, xã hội thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phát triển nhà trường. Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức phong phú, đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động giáo dục, lễ hội, sự kiện theo kế hoạch phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường tiếp tục phấn đấu để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Những điểm yếu cơ bản: Công tác tham mưu với chính quyền địa phương về hỗ trợ kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường hạn chế

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 đạt 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 1/2 đạt 50%.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Trường Mầm non Cô Tô luôn thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức xây dựng chương trình GDMN đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, tình hình xã hội của địa phương, đặc điểm của nhà trường và năng lực của giáo viên, hứng thú của trẻ. Trường có hồ sơ quản lý, theo dõi kết quả học tập và rèn luyện của trẻ, có biện pháp phù hợp để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần giúp trẻ đạt được các mục tiêu của chương trình GDMN. Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ được thể hiện rõ ở kết quả khảo sát, đánh giá cuối năm. Trẻ phát triển khỏe mạnh, cân đối về thể chất, có khả năng thực hiện tốt các vận động cơ bản, phối hợp các giác quan. Khả năng nhận thức, ngôn ngữ của trẻ đạt được mục tiêu của chương trình GDMN. Trẻ chủ động, tích cực trong các hoạt động văn nghệ. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc về âm nhạc, tạo hình. Trẻ tự tin khi bày tỏ ý kiến cá nhân, mạnh dạn, lễ phép trong giao tiếp với mọi người xung quanh, đoàn kết, yêu thương bạn bè, giúp đỡ em nhỏ. Hàng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm so với đầu năm. Trẻ có ý thức hành vi bảo vệ môi trường, thực hiện tốt luật lệ an toàn giao thông.

Tiêu chí: 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT về Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non, căn cứ và hướng dẫn của Sở GDĐT, Phòng GDĐT huyện Cô Tô, trường Mầm non Cô Tô đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H7-1.7- 03]; [1.4-06]; kế hoạch giáo dục độ tuổi hàng năm, kế hoạch giáo dục của nhóm lớp dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ, chỉ đạo các độ tuổi thực hiện theo kế hoạch đề ra [1.8-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm thực tế của nhà trường như: Đối với các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi, nhà trường chú trọng phát triển các mục tiêu, nội dung đảm bảo phù hợp với nhận thức của trẻ, một số những mục tiêu nội dung về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, lễ hội văn hóa tại địa phương; ngoài các nội dung phát triển cho các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi, nhà trường chú trọng và xác định những mục tiêu, nội dung chung cho các lứa tuổi trong một nhóm, lớp, các mục tiêu, nội dung riêng cho từng lứa tuổi, đảm bảo hình thức tổ chức hoạt động phù hợp. Nhà trường chỉ đạo giáo viên phát triển Chương trình giáo dục của các nhóm, lớp theo nhận thức của trẻ tại lớp, điều kiện, nguồn lực có sẵn tại lớp; đa số giáo viên đã quan tâm đến việc phát triển Chương trình, một số giáo viên thực hiện tốt việc phát triển mục tiêu, nội dung giáo dục theo độ tuổi; bên cạnh đó một số giáo viên phát triển chương trình chưa có sự linh hoạt, một số lớp chủ yếu phát triển nội dung giáo dục [H1-1.1-06]; [1.4-06].

c) Sau mỗi chủ đề giáo viên đánh giá kết quả các mục tiêu đạt được; những mục tiêu còn hạn chế và căn cứ vào các phiếu đánh giá cuối chủ đề để rà soát các

nội dung đã thực hiện trong chương trình ở các độ tuổi xem các nội dung có phù hợp với kết quả mong đợi, vướng mắc **[H19-5.1-01]**; để bổ sung, thay đổi phù hợp qua các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn và điều chỉnh kế hoạch giáo dục năm học cho phù hợp **[H1-1.1-06]**; **[1.4-06]**.

Mức 2:

a) Nhà trường đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục đã xây dựng và triển khai thực hiện chương trình ở các độ tuổi theo các chủ đề. 10/10 nhóm lớp thực hiện nội dung chương trình, trẻ có các kỹ năng hoạt động. Trong 5 năm, từ năm học 2020 - 2021 đến 2024 - 2025 nhà trường đã thực hiện tốt phát triển Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ **[H1-1.1-06]**; **[1.8-03]**.

b) Nhà trường dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và các đặc điểm của độ tuổi để phát triển thành bộ kế hoạch giáo dục đảm bảo tính kế thừa và phát triển nhằm nâng cao tính tư duy, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ có các hoạt động thực sự lấy trẻ làm trung tâm. Các mục tiêu lựa chọn phù hợp với đặc điểm của trẻ. Chương trình chú trọng các hoạt động chủ đạo của lứa tuổi; phối hợp các phương pháp hợp lý, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo tính vừa sức. Khuyến khích động viên trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau, giáo dục tinh thần đoàn kết, nhân ái. Bên cạnh đó chương trình quan tâm xây dựng các hoạt động giáo dục cho trẻ tính tự lập học tập, có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, giáo dục lòng nhân ái phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa của dân tộc. Nhà trường thực hiện đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định. Số bữa ăn được tổ chức tại trường là 01 bữa chính và 01 bữa phụ đối với độ tuổi mẫu giáo; 02 bữa chính và 01 bữa phụ đối với độ tuổi nhà trẻ, thực đơn được thay đổi theo tuần, mùa mỗi ngày cho trẻ ăn đầy đủ các loại thức ăn khác nhau trong 4 nhóm thực phẩm để có một bữa ăn cân đối và hợp lý, đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng theo nhu cầu cơ thể **[5.1-02]**; **[1.4-06]**; **[1.8-04]**.

Mức 3:

a) Nhà trường ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; nhà trường chỉ đạo giáo dục lựa chọn các hình thức ứng dụng phương pháp STEAM để phù hợp với nhận thức của trẻ ở từng độ tuổi **[H19-5.1- 03]**; đảm bảo đúng theo sự chỉ đạo của Sở GDĐT, Phòng GDĐT, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, mang lại hiệu quả tốt trong tổ chức các hoạt động giáo dục **[1.4-06]**.

Vào cuối năm học nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường và có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nội

dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cho năm học tiếp theo [H1-1.1-06].

b) Từ năm học 2020 - 2021 đến nay do tình hình dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp, nhà trường thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh kế hoạch kịp thời, đảm bảo thực hiện các mục tiêu giáo dục trong năm học; trong thời gian trẻ nghỉ học nhà trường chỉ đạo giáo viên quay video hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với độ tuổi trẻ. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết năm học trong đó có nội dung đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non của nhà trường trong năm học từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa của dân tộc; Ngoài ra, nhà trường có tích hợp ứng dụng phương pháp giáo dục STEM trong thực hiện Chương trình GDMN vào một số các hoạt động phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Định kỳ Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời bổ sung cho phù hợp.

3. Điểm yếu

Quá trình áp dụng phương pháp tiên tiến STEAM, một số giáo viên tổ chức các hoạt động còn lúng túng, chưa sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho từng đối tượng cụ thể. Tổ chức họp chuyên môn, chuyên đề và hội thi cho giáo viên tham gia	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên	Đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo mở lớp bồi dưỡng chuyên môn Sắp xếp thời gian, tạo điều kiện để giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	15.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên đã tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục trẻ như: Quan sát - đàm thoại, giảng giải - thuyết trình, động viên - khuyến khích, tình cảm - khích lệ, nêu gương, đánh giá...nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và tổ chức hoạt động, ngày lễ, ngày hội, thăm quan trải nghiệm, linh hoạt mang lại hiệu quả; phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với đặc điểm phát triển của độ tuổi và điều kiện của nhà trường [1.4-06]; [1.8-01]; [1.8-02].

b) Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động cho trẻ được trải nghiệm như hoạt động: “Chiến sĩ tí hon”; “Lễ hội mừng xuân”...., tổ chức các hoạt động bé tập làm nội trợ, thực hiện chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” [H18- 4.2-04]. Môi trường giáo dục trong lớp học được giáo viên thiết kế dựa trên các chủ đề. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung các độ tuổi để tạo môi trường một cách linh hoạt. Các góc chơi được bố trí góc động xa góc tĩnh. Có nhiều các nguyên vật liệu để trẻ thực hành trải nghiệm theo ý thích nhưng phù hợp với chủ đề và phù hợp với độ tuổi. Quan tâm chú trọng đến góc thực hành các kỹ năng sáng tạo như: tô, vẽ, xé dán, lắp ráp các sản phẩm theo ý thích [H1-1.1-06].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chức hoạt động theo chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ hay các hoạt động tổ chức lễ hội, các hoạt động trải nghiệm bé tập làm đầu bếp, bé tập làm những chiến sĩ tí hon... Tuỳ vào mục đích và nội dung giáo dục mà giáo viên lựa chọn vị trí không gian

hoạt động khác nhau. Các hoạt động có thể tổ chức theo nhóm, tập thể hay cá nhân nhằm kích thích sự hứng thú của trẻ và mang lại hiệu quả thiết thực [5.2-01] fenpage Mầm non Cô Tô [H1-1.1-06].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế: Tổ chức cho trẻ các buổi trải nghiệm thông qua các ngày hội, ngày lễ như ngày hội đến trường của bé, tết trung thu, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Tết Nguyên đán, Tết Thiếu nhi... Tại các ngày lễ, hội trẻ được trải nghiệm các hoạt động như biểu diễn các tiết mục văn nghệ, chơi các trò chơi dân gian, câu đố... trong các hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trẻ được thực hành, trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh, với các chủ đề đa dạng như tập làm đầu bếp, tập làm các chiến sĩ nhí... Nhà trường tổ chức cho trẻ thăm quan một số địa danh gần trường như thăm quan khu di tích Quốc gia đặc biệt, khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô; các hoạt động đều phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [1.8-01]; [1.4-06]; [1.8-02]; [1.4-06].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục an toàn, có sự bố trí khu vực chơi và học trong lớp và ngoài lớp phù hợp, thuận tiện với sự phát triển thể chất của trẻ, thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết, kích thích trẻ hoạt động tích cực, sáng tạo. Trong lớp học các giáo viên xây dựng một môi trường với những màu sắc sinh động và ngộ nghĩnh. Môi trường có không gian, cách sắp xếp phù hợp, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực hàng ngày của trẻ: Bố trí các góc hoạt động hợp lý, các góc hoạt động có ranh giới rõ ràng, có lối đi cho trẻ di chuyển thuận tiện khi liên kết giữa các góc chơi. Sắp xếp các góc để giáo viên có thể dễ dàng quan sát, giám sát được toàn bộ hoạt động của trẻ. Các đồ dùng và học liệu hỗ trợ giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục thu hút trẻ tham gia, cũng như tạo ra các cơ hội học tập khác. Xây dựng môi trường ngoài lớp học phù hợp, an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, đáp ứng nhu cầu chơi của trẻ. Đồ chơi, học liệu, trang thiết bị ở ngoài lớp học đảm bảo an toàn, vệ sinh: không có đồ sắc nhọn, không độc hại, được vệ sinh sạch sẽ, được bảo dưỡng định kì, sửa chữa kịp thời, tạo hình ảnh và ấn tượng riêng của trường. Nhà trường xây dựng tốt môi trường giáo dục có phương tiện, điều kiện để trẻ phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, khả năng thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học” [1.8-01]; [1.8-02]; [5.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ. Luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm từ những kiến thức thực tế phù hợp với đặc

điểm của trẻ và các điều kiện thực tế sẵn có của trường và của thị trấn Cô Tô. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của lứa tuổi trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học”.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ bên ngoài lớp học còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ bên ngoài lớp học còn hạn chế, chưa phong phú.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Tổ trưởng chuyên môn. Giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	5 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường phối hợp với Trạm Y tế thị trấn Cô Tô tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Ngay đầu năm học nhà trường kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, trưởng ban là phó Hiệu trưởng; Phó trưởng ban là Phó trạm Y tế thị trấn Cô Tô, ủy viên thường trực là nhân viên y tế nhà trường, Nhà trường có văn bản phối hợp với Trạm Y tế đều phối kết hợp để thực hiện các hoạt động y tế. Phối hợp với Trạm Y tế thị trấn Cô Tô tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 1 - 2 lần/năm, tổ chức phối hợp với Trạm Y tế tổ chức cho trẻ uống vắc xin, uống vitamin đầy đủ theo quy định; tổ chức cân, đo trẻ theo 3 lần/năm học [1.10-04].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe định kỳ 1 - 2 lần/ năm; đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, cụ thể [1.10-04].

Kết quả cụ thể:

Năm học		Tổng số trẻ	PTBT		SDD Nhẹ cân		SDD Thấp còi		Thừa cân béo phì	
			Số trẻ	Tỷ lệ (%)	Số trẻ	Tỷ lệ (%)	Số trẻ	Tỷ lệ (%)	Số trẻ	Tỷ lệ (%)
Năm học 2020-2021	Tháng 9	259	255	98,4	2	0,8	1	0,4	1	0,4
	Tháng 3	259	259	100	0	0	0	0	0	0
Năm học 2021-2022	Tháng 9	266	263	98,9	2	0,75	1	0,35	0	0
	Tháng 3	266	266	100	0	0	0	0	0	0
Năm học 2022-2023	Tháng 9	274	271	98,9	2	0,75	1	0,35	0	0
	Tháng 3	274	274	100	0	0	0	0	0	0
Năm học 2023-2024	Tháng 9	266	264	99	1	0,5	1	0,5	0	0
	Tháng 3	266	266	100	0	0	0	0	0	0
Năm học 2024-2025	Tháng 9	246	242	98	2	1	2	1	0	0
	Tháng 3	246	246	100	0	0	0	0	0	0

c) Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì. Nhà trường có 100% trẻ suy dinh dưỡng, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: Tuyên truyền, phối hợp cùng với cha mẹ trẻ chăm sóc sức khỏe cho trẻ suy dinh dưỡng bằng cách bổ sung chất dinh dưỡng và uống sữa thêm ở nhà; triển khai và thực hiện cho trẻ uống sữa tại trường [H20-5.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

Hàng tháng, hàng quý tổ chức những buổi sinh hoạt giữa gia đình và nhà trường để thông báo tình hình sức khỏe và công tác nuôi dưỡng trẻ ở nhà, báo cho phụ huynh về tình hình sức khỏe của từng cháu, thông tin hai chiều đều đặn giữa nhà trường với phụ huynh, giữa phụ huynh và nhà trường qua đó hướng dẫn, thống nhất với phụ huynh các biện pháp chăm sóc các cháu đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu được tốt hơn [H17- 4.1-04]; Giáo viên các lớp xây dựng góc tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp, nội dung phong phú về công tác chăm sóc sức khỏe trẻ. Tuyên truyền thông qua hội thi “Dinh dưỡng trẻ thơ” để các bậc phụ huynh hiểu sâu hơn về chế độ dinh dưỡng việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Thông qua đó giúp phụ huynh và các lực lượng xã hội thấy được trách nhiệm đối với con em [H1-1.1-06].

b) Nhà trường thực hiện đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định. Số bữa ăn được tổ chức tại trường là 01 bữa chính và 01 bữa phụ đối với độ tuổi mẫu giáo; 02 bữa chính và 01 bữa phụ đối với độ tuổi nhà trẻ, thực đơn được thay đổi theo tuần, mùa mỗi ngày cho trẻ ăn đầy đủ các loại thức ăn khác nhau trong 4 nhóm thực phẩm để có một bữa ăn cân đối và hợp lý, đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng theo nhu cầu cơ thể. Các chất dinh dưỡng phải theo tỷ lệ cân đối và thích hợp giữa protein, glucit, vitamin và khoáng chất, giữa thức ăn nguồn gốc động vật và thực vật. Trong khi xây dựng thực đơn nhà trường tận dụng những nguồn thực phẩm sẵn có ở địa phương, có giá trị dinh dưỡng cao mà giá thành lại rẻ để phù hợp với mức tiền mà cha mẹ trẻ đóng. Với mức tiền ăn tại đơn vị 22.000/1 ngày/1 trẻ. Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo theo quy định [5.1 -02]; [1.10-04].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch và có các biện pháp cải thiện suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng tại trường, cụ thể: Quan tâm thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, động viên, khích lệ trẻ ăn hết xuất, ăn nhiều thức ăn khác nhau; phối hợp với phụ huynh bổ sung các thực phẩm dinh dưỡng hằng ngày cho trẻ; tăng cường các hoạt động phát triển vận động cho trẻ; hướng dẫn cha mẹ trẻ thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ tại gia đình. Hàng năm, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cuối năm được cải thiện so với đầu năm học [1.10-04].

Mức 3:

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, thực hiện có hiệu quả các biện pháp chăm sóc sức khỏe, xây dựng chế độ dinh dưỡng, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt cho học sinh. Kết quả cuối năm học có 100% trẻ trở lên có cân nặng, chiều cao phát triển bình thường [1.10-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng quan tâm công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế và Trạm Y tế thị trấn để thăm khám sức khỏe cho trẻ định kỳ cho trẻ. Nhà trường và các lớp đã làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường.

Công tác bán trú được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Lựa chọn nguồn thực phẩm tươi sống đảm bảo về chất lượng, thường xuyên theo dõi và nâng chất lượng khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo đủ lượng, đủ chất. Số trẻ suy dinh dưỡng giảm hàng năm.

3. Điểm yếu

Mức ăn cho trẻ còn thấp, giá cả thực phẩm có nhiều biến động nên việc cải thiện, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cao mức ăn và chất lượng các bữa ăn cho trẻ tại trường	Phó hiệu trưởng phụ trách tham mưu, chỉ đạo thực hiện	- Tuyên truyền, thỏa thuận với phụ huynh đóng góp thêm kinh phí tổ chức bữa ăn, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ tại trường theo lộ trình phù hợp - Xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn hợp lý; ưu tiên lựa chọn các thực phẩm tại địa phương. - Tổ chức bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, GV tạo tâm thế thoải mái cho trẻ trong khi ăn.	- Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Kinh phí huy động từ cha mẹ trẻ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Trường Mầm non Cô Tô nhiều năm liên tục thực hiện tốt công tác phát triển, huy động trẻ ra lớp luôn vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh để phụ huynh đưa trẻ ra lớp đảm bảo chuyên cần hàng tháng, tỷ lệ chuyên cần từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 đạt được cụ thể như sau [1.5-07]; [H1-1.1-06].

Độ tuổi	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
Trẻ 5 tuổi	99,7%	99,2%	98,89%	97,4%	98,3%
Dưới 5 tuổi	98,2%	97,8%	95,48%	96,5%	95,5%

b) Trong 5 năm qua nhà trường tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, các trường học trên địa bàn thị trấn và nguồn lực của nhà trường để triển khai và nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN luôn đạt 100% [1.5-06].

Năm học	Trẻ 5 tuổi	Hoàn thành chương trình GDMN	Tỷ lệ %
2020-2021	65	65	100%
2021-2022	75	75	100%
2022-2023	66	66	100%
2023-2024	78	78	100%

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm tạo mọi điều kiện cho trẻ được tham gia học tập một cách tốt nhất. Các lớp có trẻ khuyết tật thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; thực hiện điều chỉnh kế hoạch hàng tháng, ghi chép lại sự tiến bộ của trẻ, lấy ý kiến và phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong công tác chăm sóc, giáo dục đối với trẻ khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn trong công tác giáo dục hòa nhập tại nhà trường. Đầu các năm học, nhà trường rà soát trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đang học tập tại trường; giáo viên thường xuyên quan tâm đến trẻ có hoàn cảnh khó khăn trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp; rà soát thực hiện đầy đủ chính sách cho trẻ thuộc cận nghèo, trẻ khuyết tật (học phí, chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa [1.8- 01]; [1.8-03]; [H5-1.5-04]; [1.4-07].

Mức 2:

a) Trong 5 năm, từ năm học 2020 - 2021 đến 2024 - 2025, tỷ lệ chuyên cần cho trẻ dưới 5 tuổi luôn đạt từ 95% trở lên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi luôn đạt từ 97% trở lên [1.5-07]; [H1-1.1-06].

b) Từ năm học 2020 - 2021 đến hết năm học 2023 - 2024, có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN [1.5-06].

c) Xây dựng kế hoạch cho trẻ khuyết tật học hòa nhập, ghi chép sự tiến bộ của trẻ thông qua các hoạt động hàng ngày, ghi lại kết quả của trẻ trong từng chủ đề, thông tin kịp thời và có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường. 100% trẻ khuyết tật được đánh giá có sự tiến bộ so với đầu năm [H5-5.1-04].

Mức 3:

a) Trong 5 năm qua, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đều đạt 100% [1.5-06]; [1.5-07].

b) Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch cá nhân phù hợp với đặc điểm khuyết tật của từng trẻ đang học hòa nhập trong nhà trường, 100% trẻ khuyết tật được theo dõi, ghi chép đầy đủ sự tiến bộ của trẻ, thông tin phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H5-1.5-04]; [1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Cơ sở vật chất được xây dựng khang trang, được trang bị các thiết bị dạy học đảm bảo phù hợp đã thu hút tỷ lệ trẻ đến trường cao.

Nhà trường dành sự quan tâm tới những trẻ có hoàn cảnh khó khăn: Thăm hỏi động viên về vật chất cũng như tinh thần cho trẻ nhân dịp Tết Nguyên đán; Tết Trung thu, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6.... Làm tốt công tác phối kết hợp với phụ huynh, giáo viên chủ nhiệm huy động trẻ ra lớp vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi luôn đạt từ 95,4% đến 98,2%, tỷ lệ chuyên cần trẻ của trẻ 5 tuổi luôn đạt từ 97,4% đến 99,7%; tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình GDMN luôn đạt 100%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ nhà trẻ chiếm tỷ lệ thấp ở các tháng thời tiết rét đậm, rét hại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của giáo dục mầm non để phụ huynh học sinh đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, không cho trẻ nghỉ tự do để đảm bảo tỷ lệ chuyên cần.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp phụ huynh học sinh	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Những điểm mạnh cơ bản: Chương trình giáo dục của nhà trường đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa của dân tộc, của thị trấn Cô Tô. Nhà trường làm tốt việc xây dựng môi trường giáo dục, sử dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến giúp trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau, giáo dục tinh thần đoàn kết, nhân ái. Trẻ có sự phát triển toàn diện về 5 mặt: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, quan hệ tình cảm - xã hội, thẩm mỹ. Trẻ mạnh dạn hồn nhiên, tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân khi tham gia vào các hoạt động của trường. Trẻ ngoan ngoãn, lễ phép với người lớn, biết đoàn kết, chia sẻ với bạn bè. Nhà trường cũng đã có những kế hoạch để tổ chức thường xuyên và có hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, khám phá cho trẻ. Làm tốt công tác chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thấp còi và trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi. Nhà trường thực hiện tốt công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5

tuổi vận động 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn thị trấn ra lớp. Đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào lớp 1.

Những điểm yếu cơ bản:

Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ bên ngoài lớp học còn chưa phong phú;

Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ nhà trẻ chiếm tỷ lệ thấp ở các tháng thời tiết rét đậm, rét hại;

Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4 đạt 100%

Số tiêu chí đạt mức 2: 4/4 đạt 100%

Số tiêu chí đạt mức 3: 4/4 đạt 100%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG THUỘC MỨC 4

Tiêu chí 1

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non trên cơ sở áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục STEAM Chương trình giáo dục của nhà trường phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp quy định về chuyên môn, điều kiện nhà trường với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Triển khai phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

3. Điểm yếu

Nhà trường chỉ thực hiện thí điểm tại một số lớp học về thực hiện phương pháp giáo dục STEAM, chưa thực hiện đại trà. Phương pháp giáo dục STEAM áp dụng thực tế tại trường đạt hiệu quả chưa cao, chưa có phòng riêng để hoạt động với STEAM. Quá trình thực hiện một số giáo viên tổ chức các hoạt động lúng túng, chưa sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực, trên thế giới áp dụng vào chương trình GDMN của nhà trường 10/10 nhóm lớp.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên	- Bồi dưỡng phương pháp giáo dục STEAM cho đội ngũ giáo viên. - Tham gia các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng về phương pháp GD tiên tiến. - Chuẩn bị không gian và nguyên vật liệu thay thế trong các hoạt động.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	50.000.000

3. Tự đánh giá tiêu chí 1: Không đạt

Tiêu chí 2

Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 23 giáo viên, cơ cấu đội ngũ giáo viên hợp lý đảm bảo thực hiện chương trình GDMN. 23/23 giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, lành mạnh có sức khỏe tốt, có lòng nhiệt tình. Hàng năm giáo viên được đánh giá theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ GDĐT ban hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, cụ thể 2021 - 2022 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt 43%; năm học 2023 - 2024 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt 27% [H12- 2.2-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, lành mạnh có sức khỏe tốt, có lòng nhiệt tình. Đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

3. Điểm yếu

Năng lực của một số giáo viên chưa tương thích với trình độ đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. - Xây dựng kế hoạch chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. - Khuyến khích giáo viên tự học tự bồi dưỡng nâng cao chất lượng bản thân.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên	- Tài liệu hướng dẫn nâng cao chất lượng. - bồi dưỡng thực tế	Năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá tiêu chí 2: Không đạt

Tiêu chí 3

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Diện tích sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Tổng 2.630m², trong đó diện tích xây dựng là 1.890 m², diện tích sân vườn là 760 đạt 3m²/trẻ. Môi trường lớp học phong phú, đa dạng, với các góc chơi mở, đồ chơi phong phú đa dạng, với nguồn nguyên liệu mở phong phú, đa dạng. Nhà trường sắp xếp, quy hoạch các khu vực hoạt động ngoài trời cụ thể như sau: Sân đây trước và đây sau để tổ chức các hoạt động phát triển vận động; sân chơi các thiết bị thông minh, góc sách truyện, khu vực trồng cây, trồng rau, trồng hoa; khu vực cho trẻ chơi trò chơi đóng vai (bán các gian hàng) [H14-3.1-01];

2. Điểm mạnh

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đảm bảo theo quy định, các khu vực hoạt động trải nghiệm, khám phá an toàn, phù hợp. Bố trí đủ các góc chơi cho trẻ hoạt động. Sân chơi có mái che, đảm bảo an toàn cho trẻ vui chơi trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Các phòng học được xây dựng từ lâu hiện tại đang xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu các cấp lãnh đạo cấp kinh phí để tôn tạo phòng học.	Hiệu trưởng	Làm văn bản tham mưu các cấp lãnh đạo cấp kinh phí để hoàn thiện các hạng mục công trình	Giai đoạn 2025-2030	650 triệu đồng

5. Tự đánh giá Tiêu chí 3: Không đạt.

Tiêu chí 4

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có 10 nhóm lớp, được xây dựng kiên cố, có phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng ngủ cho trẻ. Nhà trường có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật, thể chất. Phòng học thoáng mát, có đầy đủ dụng cụ phục vụ cho hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật. Khu vực dành riêng để phát triển vận động như; kéo co, nhảy bao bố, chơi đồ chơi ngoài trờiđược trải thảm cỏ nhân tạo.

2. Điểm mạnh

Đảm bảo có các thiết bị phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Khu vực dành riêng để phát triển vận động đảm bảo an toàn khi trẻ hoạt động.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng tư vấn tâm lý, cơ sở vật chất của các phòng học xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
Bố trí 01 phòng tư vấn tâm lý	Hiệu trưởng	Bố trí sắp xếp lại các phòng chức năng, sắp xếp bố trí 01 phòng tư vấn tâm lý cho trẻ	Giai đoạn 2025-2030	0 đ	Ngân sách

Tự đánh giá tiêu chí 4: Không đạt.

Tiêu chí 5

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2024 - 2025 nhà trường thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, có xây dựng kế hoạch điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển nhà trường, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược các giải pháp cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường. Xây dựng môi trường giáo dục có uy tín về chất lượng. Xây dựng, bổ sung CSVC giữ vững trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng cấp độ 2. CBQL, GV, NV đạt trình độ trên chuẩn, số CBQL, GV, NV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở từ 15% trở lên. Tỷ lệ huy động trẻ vượt kế hoạch. CSVC được sửa chữa, xây mới, đầu tư mua sắm mới đồ dùng, đồ chơi và trang thiết bị dạy học.

2. Điểm mạnh

Trong năm học 2024 - 2025 nhà trường thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển nhà trường, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược các giải pháp cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường. Xây dựng đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá, giỏi; có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn $22/23 = 96\%$, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo đúng qui định. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp trong năm học vượt chỉ tiêu được giao.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên tiếp cận CNTT, phương pháp giáo dục tiên tiến còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng đội ngũ các phương pháp giáo dục tiên tiến.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên	Văn bản, kế hoạch tham mưu với các cấp lãnh đạo.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	

Tự đánh giá tiêu chí 5: Không đạt

Tiêu chí 6

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 03 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều

kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2024 - 2025, CBQL, GV, NV nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học và ký giao ước thi đua phấn đấu các danh hiệu cụ thể: Trong năm 2021 nhà trường được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc 2021 - 2022; 2022 - 2023; 2023 - 2024, năm học 2021 - 2022 trường được UBND tỉnh tặng cờ dẫn đầu khối Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở trong toàn huyện; được UBND tỉnh tặng Bằng khen năm 2022 - 2023; năm 2020 - 2021; 2023 - 2024 nhà trường được Bộ GDĐT tặng Bằng khen, tập thể nhà trường luôn được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao **[H8-1.8-03]**.

2. Điểm mạnh

Năm học 2024 - 2025 nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học bám sát theo chỉ đạo của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh, Phòng GDĐT huyện Cô Tô và tình hình thực tế của địa phương, nhà trường triển khai thực hiện đạt hiệu quả. CBQL, GV, NV đoàn kết thống nhất, nghiêm túc thực hiện các qui chế trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường chưa mạnh dạn áp dụng chương trình giáo dục của một số nước tiên tiến trong khu vực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, học tập kinh nghiệm các phương pháp giáo dục tiên tiến.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	20.000.000đ

Tự đánh giá tiêu chí 6: Đạt

*** Kết luận:**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN phù hợp quy định về chuyên môn, điều kiện nhà trường với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Triển khai phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đảm bảo theo quy định, các khu vực hoạt động trải nghiệm, khám phá an toàn, phù hợp. Bố trí đủ các góc chơi cho trẻ hoạt động. Xác định mục tiêu chiến lược các giải pháp cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường. CBQL, GV, NV đoàn kết thống nhất, nghiêm túc thực hiện các qui chế trong nhà trường.

* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: $1/6 = 16.7\%$; không đạt $5/6 = 83.3\%$.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GDĐT, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Sau quá trình tự đánh giá, tập thể CBQL, GV, NV nhà trường đã thấy được điểm mạnh, điểm yếu, tồn tại ở mỗi tiêu chí. Trong thời gian tới, nhà trường xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra để giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Các tiêu chí đạt mức 1: $22/22 = 100\%$
- Các tiêu chí đạt mức 2: $21/21 = 100\%$
- Các tiêu chí đạt mức 3: $10/15 = 66,6\%$
- Các tiêu chí đạt mức 4: $01/6 = 16.7\%$
- Các tiêu chí không đạt mức 4: $5/6 = 83.3\%$
- Mức tự đánh giá của nhà trường: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá về công tác kiểm định chất lượng giáo dục của trường Mầm non Cô Tô, huyện Cô Tô. Căn cứ vào mức độ đã đạt được, đối chiếu với yêu cầu quy định, trường Mầm non Cô Tô đề nghị đăng ký kiểm định chất lượng và đón đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra, đánh giá và công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trường Mầm non Cô Tô, huyện Cô Tô kính mong được các cơ quan chủ quản, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài kiểm tra, đánh giá, đóng góp ý kiến và công nhận để công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Quảng Ninh (b/cáo);
- Phòng GDĐT Cô Tô (b/cáo);
- Hội đồng TĐG (t/hiện);
- Lưu: VT.

Cô Tô, ngày 30 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương